



**HOSE**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE

16 VÕ VĂN KIỆT, P. NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, TP.HCM

ĐT: (84-8) 38217713

FAX: (84-8) 38217452

WEBSITE: WWW.HSX.VN

2011

ANNUAL REPORT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2011

ANNUAL REPORT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**HOSE**

*Niềm tin của nhà đầu tư*



**ANNUAL REPORT**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**



# ANNUAL REPORT

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



## Mục Lục

## Contents

Lời Tựa Của Tổng Giám Đốc Message From The Ceo	6
Sơ Đồ Tổ Chức Organization Chart	7
Hội Đồng Quản Trị Board Of Directors	8
Ban Tổng Giám Đốc The Management	9
Ban Kiểm Soát Board Of Supervisors	12
<hr/>	
Hoạt Động Niêm Yết Listing Activities	16
Hoạt Động Quản Lý Thành Viên Member Management Activities	18
Hoạt Động Quản Lý Giao Dịch Trading Management Activities	19
Hoạt Động Giám Sát Giao Dịch Trading Surveillance Activities	20
Hoạt Động Nghiên Cứu Và Phát Triển Research & Development Activities	22
Hoạt Động Hợp Tác Quốc Tế International Cooperation Activities	23
Hoạt Động Tiếp Thị & Quan Hệ Công Chúng Marketing & Public Relations Activities	24
Hoạt Động Đấu Giá Auction Activities	30
Hoạt Động Công Bố Thông Tin Information Dissemination Activity	31
<hr/>	
Tình Hình Giao Dịch Khớp Lệnh Của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài Foreign Trading Activities (Order Matching Method)	32
Tình Hình Giao Dịch Thỏa Thuận Của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài Foreign Trading Activities (Put Through Method)	33
Tình Hình Giao Dịch Chứng Khoán Của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài Theo Tháng Monthly Foreign Trading Activities	34
Hoạt Động Giao Dịch Biến Động Chỉ Số Vn Index Theo Các Tháng Trong Năm 2011 Monthly Vn Index Fluctuation In 2011	37
Tổng Hợp Giao Dịch Năm 2011 Theo Từng Loại Chứng Khoán Trading Activities By Securities In 2011	38
Quy Mô Giao Dịch Cổ Phiếu Theo Tháng Năm 2011 Monthly Trading Activities In 2011	39
Cung Cầu Giao Dịch Khớp Lệnh Theo Tháng Trong Năm 2011 Monthly Supply And Demand Of Order-matching Trading In 2011	42
Chứng Khoán Trong Năm 2011 Securities In The Year 2011	44

### Phần I

### Giới Thiệu HOSE About HOSE

### Phần II

### Nội Dung Contents

### Phần III

### Số Liệu Thống Kê Statistics Data



# Phần I

## Giới Thiệu HOSE

# Part I

## About HOSE

## LỜI TỰA CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2011 diễn biến phức tạp do chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ những biến động kinh tế trong và ngoài nước. Giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM trong năm 2011 chỉ đạt mức bình quân 33,7 triệu chứng khoán/phiên, tương đương 650 tỷ đồng, giảm 29% về khối lượng và 57,3% về giá trị so với năm 2010. Với tình hình giao dịch như vậy, tốc độ quay vòng chứng khoán chỉ đạt 61.13%. VN Index đã kết thúc năm 2011 ở mức 351,55 điểm, giảm 27,66% so với đầu năm, tương đương với mức giảm 140 ngàn tỷ đồng về giá trị vốn hóa toàn thị trường, còn 453 ngàn tỷ đồng.

Tuy giá trị VN Index giảm sút nhưng sự góp mặt của 30 công ty niêm yết mới trong năm, trong đó, nổi bật có NHTM Quân đội với khối lượng niêm yết lên tới 730.000.000 cổ phiếu đã giúp SGDCK TP.HCM duy trì tỷ lệ 85% tổng giá trị vốn hóa của toàn thị trường. Hoạt động niêm yết bổ sung cũng ghi nhận những đợt phát hành thành công được thị trường quan tâm, mang lại nguồn vốn lớn từ vài trăm đến vài ngàn tỷ đồng cho những công ty như HAG, REE, CTG....

Với tình hình thị trường diễn biến không thuận lợi, trong năm 2011 cũng ghi nhận 04 trường hợp bị hủy niêm yết do kinh doanh thua lỗ và vi phạm các quy định về công bố thông tin, 01 trường hợp công ty chứng khoán thành viên bị tạm ngưng giao dịch. Sở tăng cường

giám sát việc tuân thủ chế độ báo cáo và công bố thông tin của các công ty niêm yết và công ty thành viên. Sở cũng khuyến khích các công ty nâng cao năng lực quản trị công ty thông qua các hội thảo tổ chức và chương trình thể điểm quản trị công ty do Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phối hợp với UBCKNN và Diễn đàn Quản trị Công ty toàn cầu (GCGF) giới thiệu.

Nhằm đáp ứng được nhu cầu thị trường ngày càng phát triển và khắc phục những hạn chế của VN Index hiện tại, HOSE đã xây dựng chỉ số mới VN30 và tiến hành triển khai chỉ số VN30 vào quý I/2012. Chỉ số này được kỳ vọng sẽ là hàng hóa cơ sở cho các sản phẩm trong tương lai như ETF và sản phẩm phái sinh....

Định hướng phát triển Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh trong năm 2012 là phối hợp triển khai để án tái cấu trúc các công ty chứng khoán và thị trường chứng khoán, chuẩn bị cho việc sắp xếp lại các công ty niêm yết theo nghị định mới của chính phủ. Bên cạnh đó, HOSE vẫn tập trung vào nhiệm vụ trọng yếu là nâng cao năng lực cạnh tranh của Sở thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên thị trường./

Tp. HCM, tháng 01 năm 2012

**Bà PHAN THỊ TƯỜNG TÂM**  
Tổng Giám Đốc HOSE

## MESSAGE FROM THE CEO

Vietnam Stock Market fluctuated dramatically in 2011 due to harsh influence from both domestic and overseas economics. Trading on Hochiminh Stock Exchange (HOSE) in 2011 obtained averagely 33.7 millions stocks per trading session, equivalent to 650 billions dong, going down by 29% in volume and 57.3% in value in comparison with 2010. Under such circumstance, turnover ratio was only 61.13%. VN Index ended year 2011 at 351.55 points, decreasing by 27.66% compared with the beginning of the year, equal to a reduction of 140 thousands billions dong in market capitalization, standing at 453 thousands billions dong.

In spite of the downward trend of VN Index, the presence of 30 newly listed companies, with a prominent case of Military Bank with listed volume up to 730,000,000 stocks, HOSE maintains 85% of the whole market capitalization. In 2011, additional listing also saw many successful offering sessions raising from hundreds to thousands billions dong to companies such as HAG, REE, CTG....

With unfavourable market situation, in 2011, there were 04 cases of delisting owing to unprofitable business as well as disclosure infringement and 01 securities company suffering from trading suspension. For that reason, HOSE is strengthening the supervision of reporting and disclosure conformity of listed as well as member companies. HOSE also encourages companies to enhance Corporate Governance through seminars and Corporate Governance scorecard program conducted by International Finance Corporation in cooperation with State Securities Commission of Vietnam and Global Corporate Governance Forum.

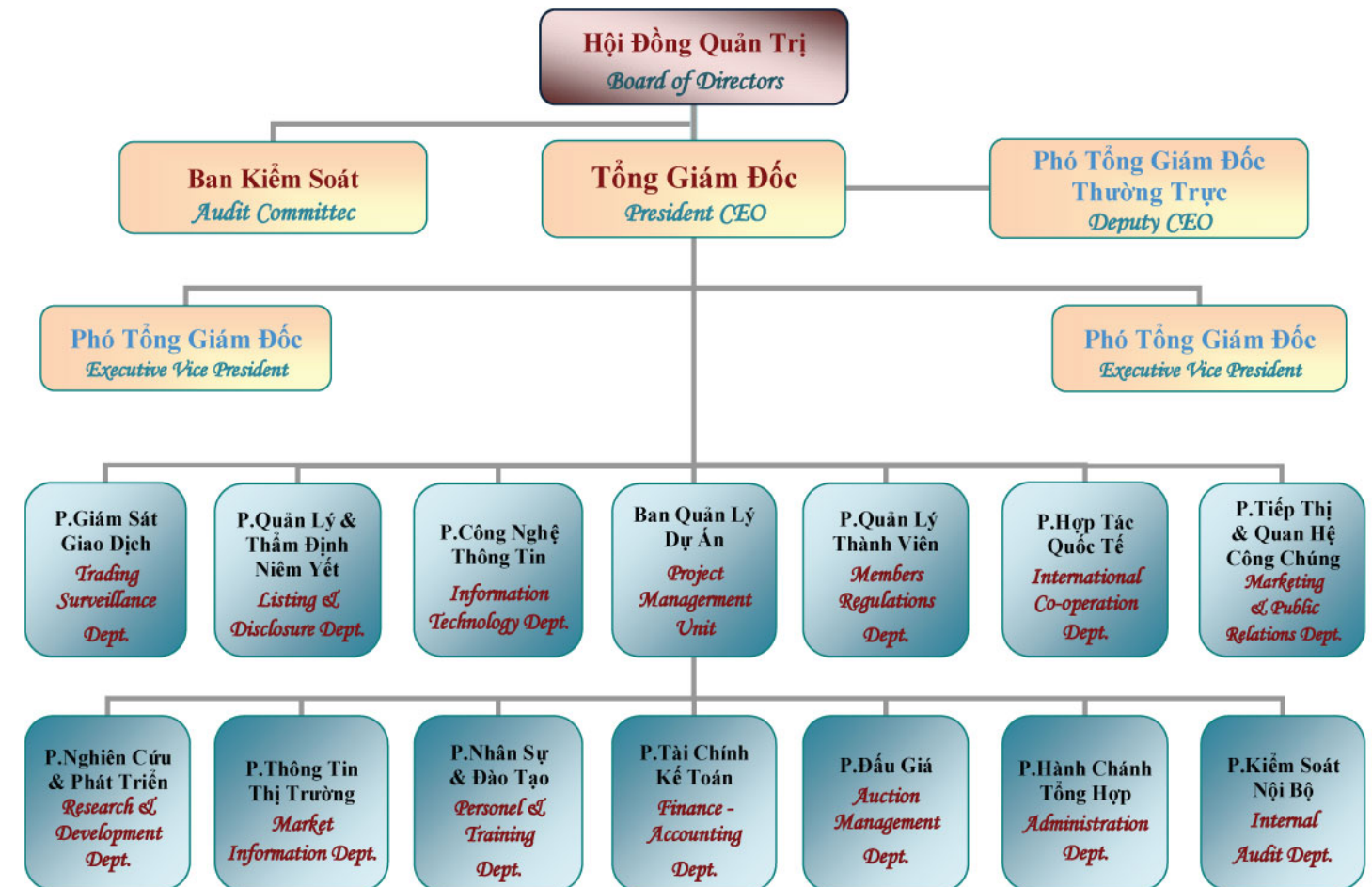
So as to meet the market's increasing demand and remedy the current defects of VN Index, HOSE has already designed new VN30 Index and is going to launch it in the first quarter of 2012. This index is expected to be the underlying asset for future products, i.e. ETF and derivatives....

In 2012, HOSE will focus on securities market restructuring project and prepare for the refining of listed companies according to government's new decree. In addition, HOSE pays more attention to improving its competitiveness through diversifying the supply of services and products on the market./

Hồ Chí Minh city, Jan 2012

Ms. Phan Thi Tuong Tam  
Chief Executive Officer

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC SỞ GDCK TP.HCM (HOSE) ORGANIZATION CHART OF HOSE



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BOARD OF DIRECTORS



Ông. **TRẦN ĐẮC SINH**  
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị  
Mr. **TRAN DẠC SINH**  
Chairman – Board of Directors



Bà. **PHAN THI TUƠNG TÂM**  
Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Mrs. **PHAN THI TUƠNG TÂM**  
Deputy Chairman – Board of Directors



Ông. **LÊ HẢI TRÀ**  
Ủy Viên Hội Đồng Quản Trị  
Mr. **LE HAI TRA**  
Member of Board of Directors

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC THE MANAGEMENT



Bà. **PHAN THI TUƠNG TÂM**  
Tổng Giám Đốc  
Mrs. **PHAN THI TUƠNG TÂM**  
President & CEO



Ông. **THAI DẠC LIỆT**  
Phó Tổng Giám đốc  
Mr. **THAI DẠC LIỆT**  
Executive Vice President



Ông. **LÊ HẢI TRÀ**  
Phó TGD Thường trực  
Mr. **LE HAI TRA**  
Deputy CEO



Ông. **TRAM TUẤN VŨ**  
Phó Tổng Giám đốc  
Mr. **TRAM TUẤN VŨ**  
Executive Vice President

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
BOARD OF DIRECTORS



**BAN KIỂM SOÁT**  
**BOARD OF SUPERVISORS**



Ông. **ĐAU KHẮC TRINH**  
Trưởng Ban Kiểm Soát

Mr. **DAU KHAC TRINH**  
Head of Audit Committee

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
**CHIEF ACCOUNTANT**



Bà. **NGÔ VIỆT HOÀNG GIAO**  
Kế Toán Trưởng

Mrs. **NGO VIET HOANG GIAO**  
Chief Accountant





## Phần II

Nội Dung

## Part II

Contents





## Hoạt động niêm yết

Năm 2011 ghi nhận nhiều biến động của thị trường chứng khoán do ảnh hưởng của tình hình kinh tế trong nước và thế giới. Với chính sách kiểm chế lạm phát, thắt chặt tín dụng, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ đã tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Các doanh nghiệp nhìn chung đều gặp khó khăn, vốn cho sản xuất kinh doanh cũng như cho các hoạt động tiêu dùng, phi sản xuất đều bị hạn chế tối đa, nhiều doanh nghiệp thua lỗ làm cho thị trường chứng khoán càng thêm ảm đạm và ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động niêm yết trên thị trường.

### NIÊM YẾT MỚI

So với 2010, năm 2011 có ít các công ty nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và lên giao dịch. Số lượng công ty nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, được chấp thuận chính thức và lên giao dịch đều giảm trên 60% so với năm trước. Cả năm có 30 công ty chính thức lên giao dịch là một con số khiêm tốn so với 81 công ty lên giao dịch trong năm 2010. Tuy nhiên, năm nay ghi nhận niêm yết mới của một ngân hàng lớn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội với khối lượng niêm yết là 730.000.000 cổ phiếu, góp phần nâng khối lượng cổ phiếu niêm yết mới lên 1.350.820.592 cổ phiếu.

### NIÊM YẾT BỔ SUNG

Hoạt động niêm yết bổ sung trong năm nay cũng sụt giảm so với 2010 do thị trường liên tục suy giảm, việc huy động vốn qua thị trường chứng khoán gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc niêm yết bổ sung cũng kém đi. Tổng cộng có 120 đợt phát hành và niêm yết bổ sung để huy động vốn cho các kế hoạch đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, thu về 16.964 tỷ đồng cho các công ty, giảm 1,75% so với 2010. Tuy vậy, năm nay cũng ghi nhận những đợt phát hành thành công được thị trường quan tâm, mang lại nguồn vốn lớn từ vài trăm đến vài ngàn tỷ đồng cho những công ty tốt như IJC, TDC, HAG, REE, CTG, VNM, STB, HCM...

### HỦY NIÊM YẾT

Trong năm nay đã phát sinh 4 trường hợp hủy niêm yết do kinh doanh thua lỗ, do vi phạm các quy định về công bố thông tin của CTCP Full Power (FPC), CTCP Dược phẩm Viễn Đông (DVD), Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp (DCC) và do sáp nhập của Công ty cổ phần Vinpearl (VPL).

Tính đến 31/12/2011 có 301 cổ phiếu, 5 chứng chỉ quỹ, 47 trái phiếu đang được niêm yết và giao dịch trên Sở GDCK Tp.HCM (HOSE) với tổng giá trị niêm yết đạt 203.066 tỷ đồng, tăng 18,2% so với 2010.

Hoạt động công bố thông tin: năm 2011, thực hiện theo chỉ đạo của UBCKNN, HOSE đã quản lý chặt chẽ hoạt động công bố thông tin của các tổ chức niêm yết, thường xuyên nhắc nhở nhằm cải thiện hoạt động công bố thông tin, nhiều tổ chức niêm yết bị đưa vào các hình thức xử lý vi phạm theo quy định. HOSE cũng tổ chức những buổi hội thảo cho các công ty thường xuyên vi phạm để hướng dẫn, cập nhật những quy định mới giúp các công ty công bố thông tin tốt hơn.

## Listing Activities

The year 2011 recorded many fluctuations in the stock market due to uncertain domestic and global economic situation. The government policies on controlling inflation, tightening credit and stabilizing macroeconomic have made strong impacts on enterprises and the entire economy. Businesses have been generally faced with difficulties, including limited capital for production and business activities as well as consumers, non-production activities. Then loss of many businesses made the stock market gloomier and this significantly influenced listing activities.

**New listing:** In 2011, the number of companies applying for new-listings, getting listing approvals and officially trading decreased 60% compared with 2010. In details, there were only 30 newly listed companies, a modest figure compared to 81 companies of last year 2010. However, this year recorded the new listing of a large bank, Military Bank (MBB), with the listing volume reaching 730,000,000 shares, contributing to the increase volume of 1,350,820,592 new shares.

**Additional listing:** these activities in the year also declined compared to 2010 due to the continuous down-trend as well as the difficulties in raising capital through the stock market. In total, there were 120 issuances and additional listings to raise VND 16,964 billion for listed companies, decreased 1.75% compared to that of 2010. However, this year also recorded some successful issuances which brought large proceeds for good companies such as IJC, TDC, HAG, REE, CTG, CAN, STB, HCM...

**Delisting:** during the year, there were 4 cases of delisting due to losses or violations of regulations on information disclosure consisting of Full Power Joint Stock Company (FPC), Vien Dong Pharmaceutical Joint Stock Company (DVD), Descon Construction Corporation (DCC) and due to the merger of Vinpearl Joint Stock Company (VPL).

As of 31 December 2011, there were 301 stocks, 5 funds certificates, and 47 bonds listed and traded on HOSE with the total nominal listing value of VND 203,066 billion, increasing 18.2% compared to year 2010.

In terms of information disclosure activities, in 2011, under the direction of the SSC, the Ho Chi Minh Stock Exchange has strictly monitored the listed companies' obedience on information disclosure rules and regulations. As a result, many listed companies have received sanctions including stock exchange's penalties such as warnings, trading halts and suspends or fined by the SSC. The Exchange also held seminars to instruct and update new regulations for the listed companies that regularly violated regulations, to help them better comply with.



## Hoạt Động Quản Lý Thành Viên

Đến hết ngày 31/12/2011, tổng số thành viên của HOSE vẫn duy trì 102 thành viên với tổng vốn điều lệ hơn 35 ngàn tỷ đồng, tăng gần 1,5 ngàn tỷ đồng so với năm 2010. Tuy nhiên đây thật sự là một năm đầy khó khăn của TTCK Việt Nam nói chung và CTCK nói riêng, các CTCK phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức trong hoạt động kinh doanh. Để cắt giảm chi tiêu, giải quyết các khó khăn trước mắt, nhiều CTCK đã đóng cửa các Chi nhánh và Phòng giao dịch. Trong năm 2011, đã có 25 Chi nhánh và 39 Phòng giao dịch của các CTCK đóng cửa.

Ngoài ra, Sở đã không ngừng nâng cao công tác giám sát, quản lý hoạt động các CTCK thành viên và chủ động phối hợp với các vụ chức năng của UBCKNN để xử phạt các CTCK vi phạm các quy định, thanh kiểm tra một số CTCK thành viên theo ủy quyền của UBCKNN để có những báo cáo và xử lý kịp thời đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật, góp phần đem lại sự ổn định của thị trường và củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

Bên cạnh mảng giám sát và quản lý hoạt động các CTCK thành viên, HOSE đã chủ trì và tổ chức cho các CTCK thành viên tham gia các đợt thử nghiệm nhằm chuẩn bị sẵn sàng cho việc kéo dài thời gian giao dịch dự kiến áp dụng trong thời gian tới.

## Member Management Activities

*To the end of 31/12/2011, Ho Chi Minh Stock Exchange's members remained 102 with total chartered capital of over VND 35 trillion, an increase of over 1.5 trillion compared with year 2010. However, 2011 is considered as a difficult and challenging year for Vietnam's Stock Market as well as securities companies. In order to cut cost and deal with immediate challenges, many securities companies had to close their branches and trading offices (There were 25 branches and 39 trading offices of securities companies closed).*

*In order to ensure compliance with the law, contribute to the stability of the market and strengthen investor's confidence, HOSE has constantly improved the supervision and management activities to securities companies and has actively collaborated with Departments of the State Securities Commission (SSC) to sanction the violation of securities companies. HOSE was authorized by SSC to inspect some securities companies to have timely reports and settlements.*

*Moreover, HOSE held testing phases for members in order to prepare for extending trading time which will be applied in the year.*

## Hoạt Động Quản Lý Giao Dịch

Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới, Việt Nam không nằm ngoài xu thế biến động và bất ổn đó. Cùng mục tiêu hàng đầu là ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, chính sách thắt chặt tiền tệ đã được thực hiện một cách triệt để. Khối lượng giao dịch bình quân trong năm 2011 đạt 33.7 triệu chứng khoán, giá trị giao dịch bình quân vào khoảng 650 tỷ, giảm 29% về khối lượng và 57.3% về giá trị so với năm 2010.

Với xu hướng giảm chủ đạo, VN Index đã khởi đầu ở mức 485.97 điểm, kết thúc ở mức 351.55 điểm trong phiên giao dịch cuối cùng của năm. Như vậy, chỉ số VN Index đã giảm 134.42 điểm, tương ứng với 27.66% so với mức khởi điểm của năm. Xét về mức độ biến động, Vn Index tương đối ổn định nửa đầu năm, nhưng lao dốc khá mạnh vào nửa cuối năm. Kết thúc năm, có hơn 50% mã cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên HOSE có thị giá thấp hơn mệnh giá.

Mặc dù Vn Index sụt giảm mạnh, nhưng số liệu thống kê cho thấy nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục mua ròng khoảng 1.300 tỷ VND trong năm 2011, tuy nhiên giá trị mua ròng giảm 90% so với năm 2010.

Ngoài ra, mặc dù có thêm 3.3 tỷ chứng khoán mới niêm yết trên HOSE (niêm yết phát hành thêm và niêm yết mới), nhưng do VN Index giảm mạnh nên giá trị vốn hóa thị trường vào cuối năm chỉ đạt mức 453.784 tỷ đồng, giảm 23.26% so với cuối năm 2010.

## Trading Management Activities

*In the context of the world economy uncertainty, Vietnam's market was unable to escape the volatility and instability. With the highest priority for stabilizing macro economy and curbing inflation, the tightening monetary policy has been executed thoroughly. The average trading volume was by 33.7 million shares (about 650 billion VND) per day, decreased 29% in volume and 57.3% in value compared to the year 2010.*

*VN Index started the year at 485.97 points and closed at 351.5 points on the last trading day of the year. VN Index lost 134.42 points equivalent to 27.66% in comparing with the beginning of the year. In term of volatility, while showing stability in the first half of the year, VN Index experienced a strong decline in the second half year. At the end of the year, more than 50% of stocks and funds certificates listed on HOSE had their trading prices fall below the par.*

*Despite of sharp declining of stock prices, the foreign trading still showed a positive net buying of 1.300 billion VND (90% declining comparing with 2010).*

*There were approximate 3.3 billion of additional shares were listed on HOSE (additional listing and new listing). Nevertheless, due to the fall in stock price, the market capitalization dropped to VND 453,784 billion at the end of the year, decreased 23.26% in comparing with the year end of 2010.*

# Hoạt Động Giám Sát Giao Dịch

Năm 2011 tiếp tục là một năm khó khăn cho thị trường chứng khoán. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán ngày càng nhiều và phức tạp hơn. Trong năm qua, số vụ việc vi phạm có xu hướng tăng hơn so với năm trước, đáng chú ý là các vi phạm về giao dịch cổ phiếu quỹ, vi phạm về giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan, vi phạm nhà đầu tư giao dịch chứng khoán trong ngày, đặc biệt là sau khi áp dụng Thông tư 74/2011/TT-BTC ban hành ngày 01/06/2011 hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán. Năm 2011 cũng là năm mà nhiều vụ việc vi phạm được xử lý nghiêm khắc hơn, có tính răn đe với mức xử phạt cao hơn nhằm đảm bảo thị trường hoạt động trật tự, công bằng và minh bạch. Trong năm qua, HOSE đã có nhiều nỗ lực thực hiện tốt vai trò giám sát thị trường, kịp thời phát hiện và báo cáo UBCKNN xử lý nhiều vụ việc vi phạm. Sau đây là một số kết quả đạt được:

Đối với công tác giám sát tuân thủ		Đối với công tác giám sát hoạt động giao dịch	
Số trường hợp phát hiện	Nội dung	Số trường hợp phát hiện	Nội dung
237	Cổ đông nội bộ và người có liên quan giao dịch cổ phiếu của chính tổ chức niêm yết nhưng không công bố thông tin theo quy định của pháp luật.	02	Thao túng giá chứng khoán.
51	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn không thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.		Ngoài ra, HOSE cũng phát hiện nhiều trường hợp giao dịch bất thường và chuyển vụ việc lên UBCKNN tiến hành điều tra thêm.
2.801	Nhà đầu tư giao dịch vi phạm quy định giao dịch chứng khoán trong ngày giao dịch.		
41	Giao dịch cổ phiếu quỹ không đúng quy định về giao dịch cổ phiếu quỹ.		

# Trading Surveillance Activities

The Vietnam's securities market witnessed a difficult year in 2011. Frauds and non-compliance in the securities market have been on rise and become increasingly sophisticated. Especially, cases in relation to transactions of treasury stocks, internal shareholders and their affiliates, same-day transactions (particularly after the enactment of Circular 74/2011/TT-BTC on June 1, 2011 regarding transactions in the securities market). In 2011, non-compliance was also dealt with more strictly at higher penalties to ensure an orderly, fair and transparent market. HOSE has put tremendous effort to undertake the role of market surveillance to uncover non-compliance and report it to the SSC in a timely manner. Below are our key achievements:

For compliance surveillance		For trading surveillance	
Cases detected	Details	Cases detected	Details
237	Key members and affiliated people of listed companies traded without disclosure	02	Manipulation
51	Major shareholders traded without disclosure		A number of abnormal transactions have been detected and reported to the SSC
2801	Investors violated the regulation of buying and selling securities in a same day		
41	Listed companies traded treasury stocks against regulation		

# Hoạt Động Nghiên Cứu và Phát Triển

## A. MÔ TẢ

### XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ VN30

Trong năm 2011, HOSE đã nghiên cứu và xây dựng chỉ số VN30. Chỉ số bao gồm 30 cổ phiếu hàng đầu về giá trị vốn hóa, chiếm khoảng 80% giá trị vốn hóa toàn thị trường, 60% về giá trị giao dịch và có mức thanh khoản tốt. Chỉ số này sẽ giúp khắc phục các hạn chế của Vn Index hiện tại như hạn chế sự ảnh hưởng của các cổ phiếu quá lớn, tính thanh khoản thấp và phản ánh được khả năng đầu tư của cổ phiếu thông qua hệ số cổ phiếu tự do được giao dịch. Chỉ số này được kì vọng sẽ là hàng hóa cơ sở cho các sản phẩm trong tương lai như ETF, sản phẩm phái sinh...

Để có thể hoàn thành mục tiêu đưa chỉ số VN30 ra thị trường vào tháng 02/2012, Sở đã xây dựng và thử nghiệm phần mềm tính toán, chạy dữ liệu quá khứ trong 03 năm (2009 – 2011), ban hành các quy tắc, thành lập hội đồng chỉ số HOSE Index và thử nghiệm truyền thông tin đến các thành viên thị trường.

### XÂY DỰNG MÔ HÌNH THỊ TRƯỜNG PHÁI SINH CHO VIỆT NAM

Dưới sự chỉ đạo của UBCKNN, Sở đã đề xuất mô hình thị trường phái sinh cho Việt Nam. Đề án là sự tổng kết các nghiên cứu mô hình thị trường phái sinh của các nước phát triển và lân cận để từ đó xây dựng một mô hình hoàn chỉnh về cơ cấu thị trường cũng như cách thức vận hành thị trường phái sinh ở Việt Nam. Đây sẽ là tiền đề cho lộ trình phát triển các sản phẩm phái sinh sắp tới của Sở.

### TIẾN HÀNH CÔNG TÁC PHÂN NGÀNH NĂM 2010

Công tác phân ngành theo chuẩn VSIC 2007 của Việt Nam là hoạt động thường niên được bắt đầu khởi động từ năm 2009. Mục tiêu của hoạt động này là nhằm cung cấp các thông tin theo ngành cho thị trường, phục vụ công tác phân tích dự báo, tiếp cận các thông lệ quốc tế. Trong năm 2010, Sở đã phân ngành được cho 184 công ty niêm yết. Năm nay, Sở phân ngành cho 254 công ty niêm yết trên Sở (11 mã ngành cấp I và 47 mã ngành cấp II), trong đó có 168 công ty cũ cập nhật dữ liệu phân ngành và 86 công ty được phân ngành mới, tỉ lệ phân ngành đạt 84% tổng số các công ty niêm yết trên Sở.

## Research & Development Activities

### A. DESCRIPTION:

- In 2011, HOSE has conducted the design study of VN30 index. The proposed index includes the top 30 stocks in term of market capitalization and liquidity, accounting for 80% of total market capitalization and 60% of trading value. This index will overcome the limitation of current index by reducing the excessive influence of big-cap, low-liquidity stocks and reflecting the stock investibility via free float ratio. This index is expected to be the underlying assets for advanced products in the future such as ETF, futures and options. HOSE is targeting to launch VN30 Index in Feb 2012. To prepare for that launch date, HOSE has been building up and testing the calculating software, running the 3-year back-history data, issuing index rule as well as establishing the HOSE Index Committee.

- Under the direction of SSC, HOSE has proposed the derivatives market model for Vietnam. The proposal summarized the market model of the developed & emerging countries, and suggested a market structure as well as operating mechanism for derivatives market in Vietnam. This will be a foundation for the development of derivatives products roadmap for HOSE.

- Industry classification for listed companies according to the VSIC 2007 standard is an annual activity started in 2009. The target of the classification is to provide the industry classified information for the market, hence supporting the analysing and forecasting activities, approaching the international practices. In 2010, HOSE did classify 184 listed companies. This year, 254 listed companies, accounting for 84% of total listed companies on the HOSE, have been classified into 11 industries and 44 sectors.

# Hoạt Động Hợp Tác Quốc Tế

Năm 2011, trước những lo ngại của kinh tế toàn cầu về khủng hoảng nợ công ở châu Âu và lạm phát gia tăng, thị trường chứng khoán trong nước có nhiều bất ổn, gây không ít khó khăn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường đầy tiềm năng cho các nhà đầu tư muốn tìm hiểu và tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai. Với mục tiêu hội nhập với thị trường tài chính chứng khoán trong khu vực và trên thế giới, Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM luôn chủ động phát huy vai trò mở rộng các mối hợp tác quốc tế. Trong năm 2011, HOSE đã ký 2 biên bản ghi nhớ hợp tác với Deloitte Vietnam và Thị trường Chứng khoán Gretai nâng tổng số các đối tác hợp tác lên 23. Ngoài ra, HOSE tiếp đón và làm việc với hơn 50 đoàn khách quốc tế đến từ Nhật bản, Anh quốc, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Hoa Kỳ, Lào, Philipin, Hongkong, Tây Ban Nha, Ý, v.v...đặc biệt là chuyến thăm và làm việc của ông Michael Bear - tân Thị trưởng khu tài chính London, cùng Đại sứ, Tổng lãnh sự, và một số doanh nghiệp đầu tư, tư vấn tài chính lớn của Anh.

Cũng trong năm 2011, HOSE đã tổ chức nhiều đoàn đi tham dự hội thảo, hội nghị, khảo sát, học tập như Hội nghị Quốc tế thường niên về phát triển TTCK do UBCK Hoa Kỳ tổ chức tại Washington, họp Ủy Ban công tác WFE tại Mexico, Hội nghị thị trường vốn và thị trường mới nổi Châu Á Thái Bình Dương tại Đài Loan, Hội nghị thường niên các Sở GDCK thế giới tại Nam Phi và Diễn đàn về Quản trị Công ty lần thứ 7 tại Đài Loan v.v...; tổ chức cho đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về quản trị công ty, quản trị rủi ro tại Singapore.

Trong giai đoạn tới, HOSE sẽ luôn tích cực nâng cao năng lực, chủ động tìm kiếm cơ hội học hỏi, hợp tác, mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế của Sở trên phạm vi rộng để từng bước khẳng định được uy tín của mình, cũng như mở ra các mối quan hệ đối tác tích cực với nhiều tổ chức tầm cỡ quốc tế và cố gắng trở thành Thành viên chính thức của Hiệp hội các Sở GDCK thế giới (WFE).

## International Cooperation Activities

Being affected by severe downturn of global economy, wide spread of public debts in Europe, and the country's high inflation rate, the Vietnam securities market has suffered turbulence and toughness during the year 2011. Nevertheless, the Vietnam securities market is seen as potential and promising for investors in the future. For the purpose of incessant integration into the regional and global finance market, Hochiminh Stock Exchange (HOSE) initiatively develops international cooperation and relationship. The two MOUs signed in year 2011 with Deloitte Vietnam, and Gretai Securities Market brought the number of partnership to 23. HOSE in collaboration with Deloitte Vietnam organized two seminars of corporate governance, risk management, and information disclosure in Hochiminh city, as well as a survey trip to Singapore to update these models. There are more than 50 international delegations from America, Hongkong, Italy, Japan, Korea, Laos, Philippines, Singapore, Spain, Taiwan, Thailand, UK, etc. visiting HOSE in the year, particularly, the visit of London Lord Mayor Mr. Michael Bear together with UK Ambassador, General Consul, and businessmen.

During the year, HOSE attended a variety of conferences, seminars, workshops, surveys such as the International Institute for Securities Market Development hosted by US SEC – Washington, the WFE Working Committee – Mexico, the 7th Asia-Pacific New Markets Forum and 2011 Capital Market Forum – Taiwan, the WFE Annual Meeting – Johannesburg, and the 7th Taipei Corporate Governance Forum – Taiwan.

In coming years, HOSE will affirmatively improve competence, actively expand world-wide collaboration in order to gradually advance its prestige and partnership with international organizations, and to obtain membership of the World Federation of Exchanges.

## Hoạt Động Tiếp Thị & Quan Hệ Công Chúng

- Tổ chức lễ trao quyết định niêm yết cho 31 công ty
- Công tác từ thiện và hoạt động xã hội:
- \* Tham gia đoàn công tác Tài trợ cho chương trình xây dựng Cầu Cổ Quán và Cầu Động (Hà Tĩnh)
- \* Tổ chức đoàn công tác từ thiện tại Long An
- \* Tổ chức đợt hiến máu tình nguyện của nhân viên HOSE tháng 6/2011
- \* Tổ chức đoàn tham gia công tác giao lưu, chăm sóc trồng rừng tại rừng ngập mặn Cần Giờ
- Phối hợp tiếp 04 đoàn sinh viên trong và ngoài nước:
- \* Đoàn sinh viên Trường Kinh doanh Jon M. Huntsman thuộc Đại học Utah, Hoa Kỳ (tháng 06/2011)
- \* Đoàn Sinh viên Trường Cao đẳng Bến Tre tham quan kiến tập thực tế (Tháng 6/2011)
- \* Đoàn Sinh viên trường Đại học Ngân hàng tham quan học tập thực tế (Tháng 10/2011)
- \* Đoàn Sinh viên ĐH RMIT Melbourne (Tháng 12/2011)
- Tiếp xúc được 38 doanh nghiệp nhằm thu hút niêm yết và IPO.
- Tổ chức 04 buổi hội thảo trong và ngoài nước:
- \* 02 buổi Hội thảo quản trị công ty: Phối hợp với Deloitte (Tháng 1/2011) & Công ty chứng khoán KimEng Việt Nam (tháng 5/2011)
- \* Buổi Hội thảo công bố chỉ số VN30: Tại TPHCM và Hà Nội (tháng 9/2011)
- \* Hội thảo "Ngày Doanh nghiệp Việt Nam" tại Singapore (Tháng 7/2011): Phối hợp với Tập đoàn Daiwa Capital Markets.



## Marketing & Public Relations Activities

- Organized 31 ceremonies to give listing decisions for new listing companies
- Charity and social activities:
- o Joined the working delegation to fund the construction of 2 bridges in Ha Tinh province, including Co Quan and Cau Dong.
- o Organized charity delegation in Long An province.
- o Organized a voluntary blood donation by HOSE officers in June, 2011.
- o Organized working delegation to join exchange of activities as caring mangrove forest in Can Gio.
- Coordinated to meet 4 student groups:
- o Students of Business School Jon M.Huntsman of the University of Utah, USA in May, 2011.
- o Students of the Ben Tre College school to have study trip in June, 2011.
- o Students of the Banking University to have study trip in Oct, 2011.
- o Students of RMIT Melbourne University in Dec, 2011.
- Organized working visits 38 enterprises to urge them to proceed listing and IPOs.
- Organized 04 seminars in Vietnam and abroad, including:
- o 02 seminars on corporate governance: Coordinate with Deloitte in Jan, 2011 and KimEng Vietnam securities firm in May, 2011.
- o Seminar to announce VN30 Index in Hochiminh and Hanoi in Sep, 2011.
- o Coordinated with Daiwa Capital Markets to organize the seminar "Vietnam Corporate Day" in Singapore in July, 2011.

# Hoạt Động Đấu Giá

Hoạt động tổ chức đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM trong năm 2011 có phần sụt giảm hơn nhiều so với năm 2010 cũng một phần do những nguyên nhân sau:

- Do tình hình kinh tế thế giới cũng như tình hình kinh tế Việt Nam trong năm nay đang có nhiều biến động mạnh tác động trực tiếp đến tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam. Điều đó cũng dẫn đến nhà đầu tư không quan tâm nhiều chứng khoán và cũng không ngoại trừ đến việc tham gia đấu giá.

- Do Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần mới ban hành có hiệu lực từ ngày 15/9/2011 nhưng chưa có Thông tư hướng dẫn Nghị định 59/2011/NĐ-CP nên dẫn đến các doanh nghiệp chưa đẩy nhanh thủ tục cổ phần hóa mà phải chờ có Thông tư hướng dẫn ban hành mới ra quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa. Vì thế các doanh nghiệp CPH không đăng ký bán đấu giá được và giảm đi đáng kể.

Năm 2011, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM có nhận 21 bộ hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá. Trong 21 đợt đấu giá có: 10 cuộc đấu giá hủy tổ chức đấu giá (không có nhà đầu tư đăng ký), 05 đợt đấu giá thành công và 06 đợt đấu giá không thành công. Với số liệu cụ thể đạt được trong năm 2011 như sau:

đợt đấu giá	Tổng số				Tổng giá trị cổ phần/quyền mua bán được
	cổ phần chào bán	quyền mua chào bán	cổ phần bán được	quyền mua bán được	
11 đợt (trong đó có 05 đợt đấu giá thành công và 06 đợt đấu giá không thành công).	10 đợt: 218.128.786 cổ phần	01 đợt: 2.744.752 quyền mua	10 đợt: 55.542.176 cổ phần	01 đợt: 2.744.752 quyền mua	671.928.002.600 đồng

Bên cạnh đó, tổng số các đợt hủy đấu giá (không có NĐT tham gia): 10 đợt



# Auction Activities

In 2011, auction activities at Ho Chi Minh Stock Exchange has been decreased in comparison with the year 2010 due to the following reasons:

- The economics of the world and Vietnam this year have much fluctuation that impacts directly on Vietnam securities market. This is the reason why investors do not care much of securities or participate in the auction.

- In addition, Decree No. 59/2011/ND-CP on transferring the State owned enterprises (100% capital state owned) into joint stock companies was issued on July 18, 2011 and comes into effect from on September 15, 2011. There has no Circular on instructing for enterprises to prepare for the equitization procedures. Consequently, the number of enterprises registering auctions in 2011 significantly reduced.

In 2011, HOSE received 21 registration documents for auctions, of which 10 auctions were cancelled (due to no investors' participation), 05 auctions were held successfully, and 06 auctions were not successful.

Auction statistics in 2011 are as follows:

Total number of auctions	Number of offered shares	Number of rights offering	Number of sold-out shares	Number of sold-out shares	Total value of shares and rights offering
11 (including 05 auctions sold out the offered shares and 06 auctions failed).	218,128,786 shares	2,744,752 rights offering	55,542,176 shares	2,744,752 rights offering	671,928,002,600 VND

Besides, there were 10 auctions canceled due to none of investors' participation.



# Hoạt Động Công Bố Thông Tin

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Hầu như tất cả từ các doanh nghiệp niêm yết, công ty chứng khoán thành viên, tổ chức quy mô lớn đến nhà đầu tư nhỏ lẻ đều cảm nhận được sức ép thị trường lên kế hoạch hoạt động hoặc đầu tư của mình. Để tạo được niềm tin trên thị trường, hoạt động công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) vẫn luôn đảm bảo được tính chính xác, kịp thời, minh bạch và công bằng với mọi thành viên tham gia thị trường.

Với 2 phương tiện công bố thông tin chính thống là Bản tin TTCK và trang thông tin điện tử [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn), các diễn biến trên thị trường luôn được HOSE công bố theo đúng các quy định hiện hành. Ngoài ra, với chức năng và nhiệm vụ của mình, HOSE cũng giám sát chặt chẽ việc công bố thông tin của các doanh nghiệp niêm yết, công ty chứng khoán thành viên và các đối tượng khác có liên quan.

Đồng thời với việc công bố thông tin ra thị trường, các dịch vụ cung cấp thông tin đa dạng dành cho những đối tượng khách hàng khác nhau cũng được HOSE chú trọng phát triển. Khách hàng dù là nhà đầu tư cá nhân trong nước hay các hãng truyền thông quốc tế đều có thể tìm thấy ở HOSE dịch vụ phù hợp dành cho mình. Bên cạnh việc liên tục cập nhật, bổ sung nội dung thông tin, các phương thức gửi thông tin cũng luôn được HOSE nâng cấp, cải tiến nhằm đạt mục đích tạo sự thuận lợi tối đa cho khách hàng.

Bước sang năm 2012, với việc mở cửa hoàn toàn thị trường chứng khoán theo các cam kết gia nhập WTO, hoạt động công bố và cung cấp dịch vụ thông tin của HOSE đang đứng trước những thách thức lớn. Việc đầu tư hiệu quả để hoạt động công bố thông tin ngày càng chuyên nghiệp, ngang bằng với các nước trong khu vực và trên thế giới là mục đích mà HOSE đã xác định và đang cố gắng đạt được trong tương lai.

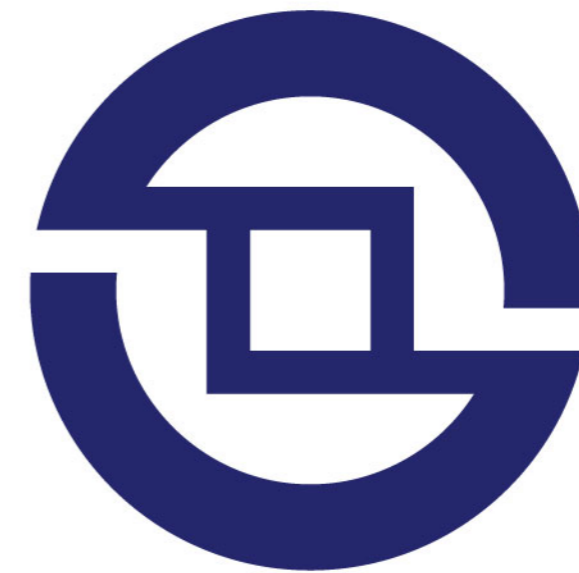
## Information Dissemination Activities

*Year 2011 was a tough year for Vietnam's Securities Market. Most of listed companies, member securities companies, large-scale institutional or individual investors felt market pressure on their operational or investment plans. To create confidence in the market, information published by the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) has been assured accurate, timely, transparent and equitable to all market participants.*

*With the two official means of information dissemination, namely market bulletin and website [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn), HOSE has always followed the current regulations. Also, with its functions, HOSE has also closely monitored the information disclosure of listed companies, member securities companies and other related entities.*

*Together with disseminating information to the public, HOSE has also paid attention to providing different kinds of information services. Customers, whether local individual investors or international news agencies, can find a suitable service for them from HOSE. Besides constantly updating information, HOSE has also improved information transmitting methods to create the most favorable conditions for customers.*

*Stepping into the year 2012, with the full opening of the stock market under the WTO entry commitments, HOSE's information dissemination and provision service are facing major challenges. Investing effectively to make information dissemination more professional and equal to that of the countries in the region and the world is the target that HOSE has set and makes effort to achieve in the future.*



**HOSE**

*Niềm tin của nhà đầu tư*



## Phần III

### Số Liệu Thống Kê

## Part III

### Statistics Data



# A - Tình Hình Giao Dịch

## I - TÌNH HÌNH GIAO DỊCH KHỚP LỆNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### TÌNH HÌNH GIAO DỊCH KHỚP LỆNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

FOREIGN TRADING ACTIVITIES (ORDER MATCHING METHOD)

Nội dung Content	Cổ phiếu Stocks	% Giao Dịch toàn thị trường Compared to the whole market	Chứng chỉ quỹ Fund Cer.	% Giao Dịch toàn thị trường Compared to the whole market	Trái phiếu Bonds	% Giao Dịch toàn thị trường Compared to the whole market	Tổng cộng Total	% Giao Dịch toàn thị trường Compared to the whole market
<b>Khối lượng giao dịch</b> <i>Trading volume</i>								
Mua (Buying):	636.237.790	9,73%	6.820.790	17,67%	0	0,00%	643.058.580	9,77%
Bán (Selling):	660.664.340	10,10%	3.817.010	9,60%	0	0,00%	664.481.350	10,10%
Chênh lệch (B-S):	(24.507.940)		3.085.170		0		(21.422.770)	
<b>Giá trị giao dịch (tr.đồng)</b> <i>Trading value (VND million)</i>								
Mua (Buying):	18.653.110	15,78%	37.111	13,26%	0	0,00%	18.690.471	15,78%
Bán (Selling):	17.820.340	15,08%	18.244	6,52%	0	0,00%	17.839.233	15,06%
Chênh lệch (B-S):	832.371		18.866		0		851.237	

## II - TÌNH HÌNH GIAO DỊCH THỎA THUẬN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### TÌNH HÌNH GIAO DỊCH THỎA THUẬN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

FOREIGN TRADING ACTIVITIES (PUT THROUGH METHOD)

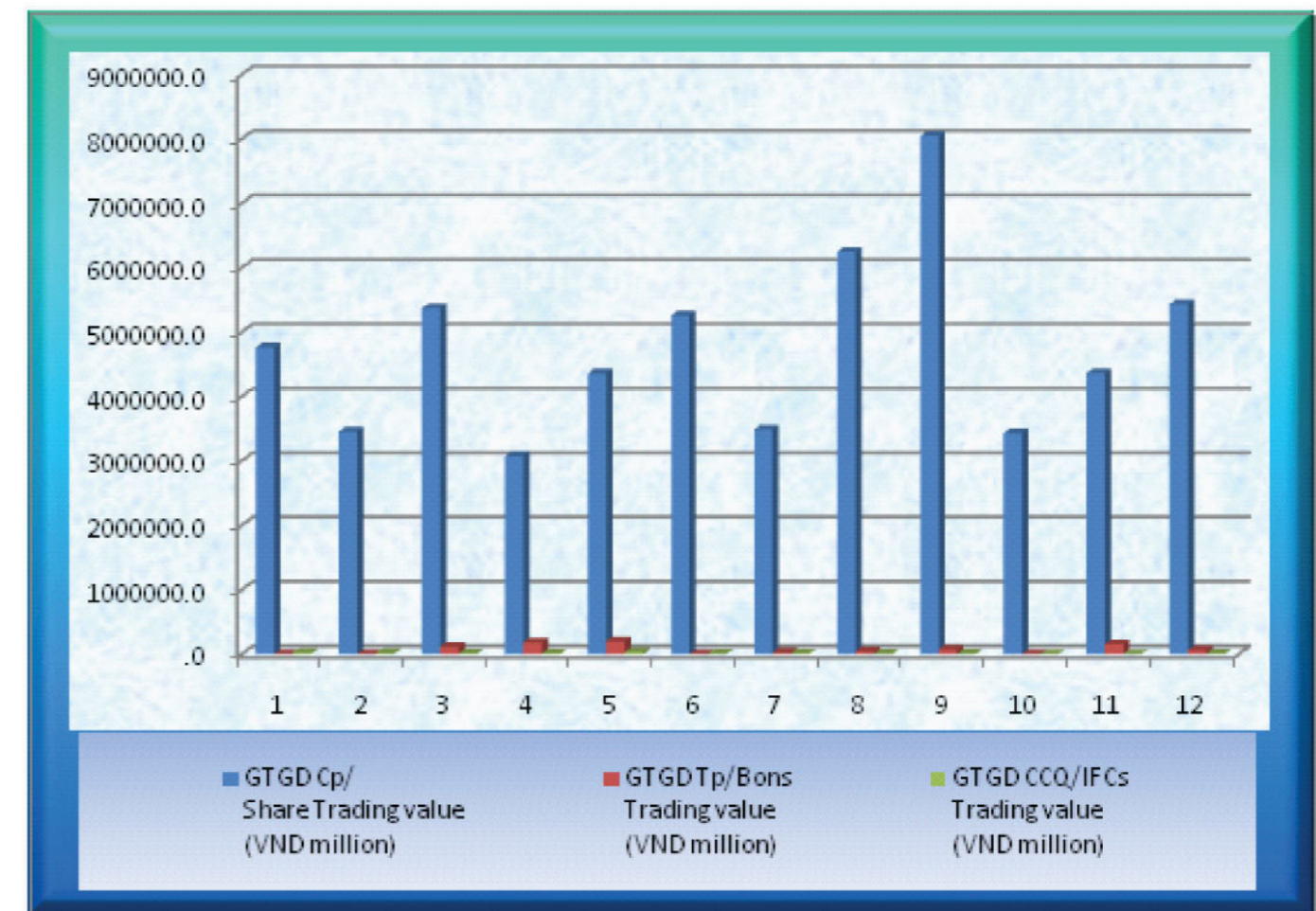
Nội dung Content	Cổ phiếu Stocks	% Giao Dịch toàn thị trường Compared to the whole market	Chứng chỉ quỹ Fund's Cer.	% Giao Dịch toàn thị trường Compared to the whole market	Trái phiếu Bonds	% Giao Dịch toàn thị trường Compared to the whole market	Tổng cộng Total	% Giao Dịch toàn thị trường Compared to the whole market
<b>Khối lượng giao dịch</b> <i>Trading volume</i>								
Mua (Buying):	271.976.432	15,63%	2.766.490	12,02%	5.100.000	29,79%	279.922.922	15,71%
Bán (Selling):	294.817.337	16,94%	1.710.000	7,43%	3.450.000	20,15%	300.057.337	16,85%
Chênh lệch (B-S):	(22.840.905)		1.056.490		1.650.000		(20.134.415)	
<b>Giá trị giao dịch (tr.đồng)</b> <i>Trading value (VND million)</i>								
Mua (Buying):	10.554.887	25,76%	20.172	13,93%	491.550	30,06%	11.066.913	25,89%
Bán (Selling):	10.258.579	25,04%	14.923	10,31%	336.532	20,58%	10.610.339	24,82%
Chênh lệch (B-S):	296.308		5.249		155.017		456.575	

### III - TÌNH HÌNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI THEO THÁNG

### TÌNH HÌNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI THEO THÁNG *MONTHLY FOREIGN TRADING ACTIVITIES*

Tháng Month	Cổ phiếu Stocks				Trái phiếu Bonds				Chứng chỉ quỹ Fund Certificates			
	KLGD Trading Volume	%	GTGD Trading value (VND million)	%	KLGD Trading volume	%	GTGD Trading value (VND million)	%	KLGD Trading Volume	%	GTGD Trading value (VND million)	%
1	127.367.523	97,85%	4.762.200	99,66%	0	0,00%	0	0,00%	2.795.220	2,15%	16.196	0,34%
2	98.357.952	98,01%	3.454.791	99,67%	0	0,00%	0	0,00%	1.999.880	1,99%	11.288	0,33%
3	167.935.451	98,68%	5.370.836	97,82%	1.100.000	0,65%	109.822	2,00%	1.151.220	0,68%	9.669	0,18%
4	85.585.420	96,59%	3.075.966	94,26%	1.800.000	2,03%	179.089	5,49%	1.217.360	1,37%	8.295	0,25%
5	118.483.791	96,01%	4.356.587	95,18%	2.200.000	1,78%	197.036	4,30%	2.728.090	2,21%	23.471	0,51%
6	163.787.819	99,83%	5.258.408	99,97%	0	0,00%	0	0,00%	285.440	0,17%	1.798	0,03%
7	93.803.606	97,45%	3.490.006	99,20%	200.000	0,21%	19.382	0,55%	2.253.560	2,34%	8.606	0,24%
8	292.026.636	99,63%	6.248.307	99,33%	400.000	0,14%	39.257	0,62%	676.840	0,23%	2.639	0,04%
9	229.794.446	99,48%	8.047.766	99,08%	750.000	0,32%	72.281	0,89%	461.870	0,20%	2.475	0,03%
10	110.674.007	99,96%	3.429.164	99,99%	0	0,00%	0	0,00%	39.100	0,04%	226	0,01%
11	159.628.356	99,05%	4.361.902	96,64%	1.500.000	0,93%	151.670	3,36%	27.210	0,02%	200	0,00%
12	216.623.142	99,15%	5.432.490	98,82%	600.000	0,27%	59.545	1,08%	1.266.250	0,58%	5.587	0,10%

### BIỂU ĐỒ / CHART



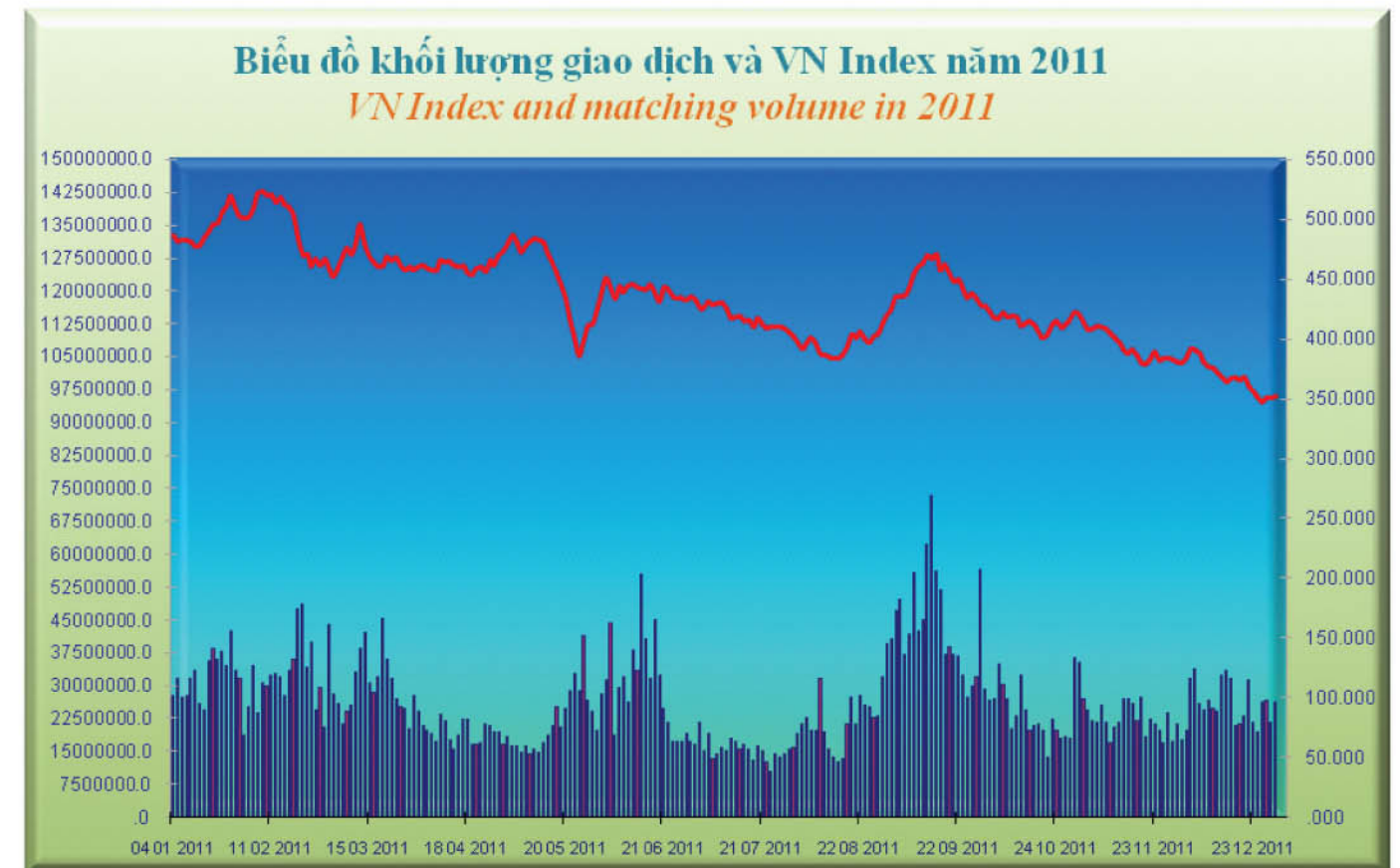


## HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VN INDEX THEO CÁC THÁNG TRONG NĂM 2011 *MONTHLY VN INDEX FLUCTUATION IN 2011*

Tháng <i>Month</i>	Số phiên giao dịch <i>Number of sessions</i>	Đóng cửa đầu tháng <i>Beginning</i>	Cao nhất trong tháng <i>Highest</i>	Ngày <i>Date</i>	Thấp nhất trong tháng <i>Lowest</i>	Ngày <i>Date</i>	Đóng cửa cuối tháng <i>Ending</i>	Khối lượng khớp lệnh <i>Order- Matching volume</i>	Giá trị khớp lệnh (tr.đvn) <i>Order- matching value (million VND)</i>
1	19	485,97	525,7	24/01/2011	477,41	11/01/2011	510,6	600.923.820	14.860.547
2	15	520,69	528,69	09/02/2011	459,77	24/02/2011	461,37	504.055.130	11.660.084
3	23	466,12	495,06	11/03/2011	449,78	03/03/2011	461,13	679.162.310	14.681.340
4	19	459,17	480,08	29/04/2011	453,59	19/04/2011	480,08	366.074.620	7.511.735
5	20	486,58	486,58	04/05/2011	385,97	25/05/2011	421,37	438.772.720	8.354.856
6	22	435,69	461,93	03/06/2011	422,98	01/06/2011	432,54	639.513.340	10.777.219
7	21	425,29	432,15	06/07/2011	402,78	29/07/2011	405,7	325.219.800	5.499.764
8	23	401,95	424,88	31/08/2011	380,97	11/08/2011	424,71	533.694.080	8.294.141
9	21	435,29	470,87	16/09/2011	426,13	30/09/2011	427,6	920.673.200	43.841.581
10	21	422,12	426,89	31/10/2011	401,15	19/10/2011	420,81	510.487.780	7.730.082
11	22	413,82	418,77	01/11/2011	377,46	22/11/2011	380,69	493.130.110	6.919.248
12	22	380,1	393,92	06/12/2011	346,84	27/12/2011	351,55	567.024.240	7.732.956

# B - Hoạt Động Giao Dịch

## 1. BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VN INDEX 2011



## 2. TỔNG HỢP GIAO DỊCH NĂM 2011 THEO TỪNG LOẠI CHỨNG KHOÁN

### TỔNG HỢP GIAO DỊCH NĂM 2011 THEO TỪNG LOẠI CHỨNG KHOÁN TRADING ACTIVITIES BY SECURITIES IN 2011

#### Cổ phiếu (Stocks)

Phương thức Giao dịch <i>Trading method</i>	Khối lượng <i>Volume</i>			Giá trị (tr. đồng) <i>Value (VND million)</i>		
	2011	2010	+/- (%)	2011	2010	+/- (%)
Khớp lệnh <i>Order-matching</i>	6.540.499.520	10.486.614.950	-37,63%	118.184.067	335.525.484	-64,78%
Thoả thuận <i>Put-through</i>	1.741.142.889	1.156.731.538	50,52%	40.971.093	40.986.872	-0,04%
<b>Tổng cộng <i>Total</i></b>	<b>8.281.562.409</b>	<b>11.643.346.488</b>	<b>-28,87%</b>	<b>159.154.159</b>	<b>376.512.355</b>	<b>-57,73%</b>

#### Chứng chỉ quỹ (Fund Cer.)

Phương thức Giao dịch <i>Trading method</i>	Khối lượng <i>Volume</i>			Giá trị (tr. đồng) <i>Value (VND million)</i>		
	2011	2010	+/- (%)	2011	2010	+/- (%)
Khớp lệnh <i>Order-matching</i>	38.231.630	148.210.700	-74,20%	279.957	1.527.370	-81,67%
Thoả thuận <i>Put-through</i>	23.013.890	29.154.370	-21,06%	144.771	262.162	-44,78%
<b>Tổng cộng <i>Total</i></b>	<b>61.325.520</b>	<b>177.365.070</b>	<b>-65,47%</b>	<b>425.032</b>	<b>1.789.532</b>	<b>-76,27%</b>

#### Trái phiếu (Bonds)

Phương thức Giao dịch <i>Trading method</i>	Khối lượng <i>Volume</i>			Giá trị (tr. đồng) <i>Value (VND million)</i>		
	2011	2010	+/- (%)	2011	2010	+/- (%)
Khớp lệnh <i>Order-matching</i>	0	0	0,00%	0	0	0,00%
Thoả thuận <i>Put-through</i>	17.117.687	28.586.070	-40,12%	1.635.361	2.384.587	-31,42%
<b>Tổng cộng <i>Total</i></b>	<b>17.117.687</b>	<b>28.586.070</b>	<b>-40,12%</b>	<b>1.635.361</b>	<b>2.384.587</b>	<b>-31,42%</b>

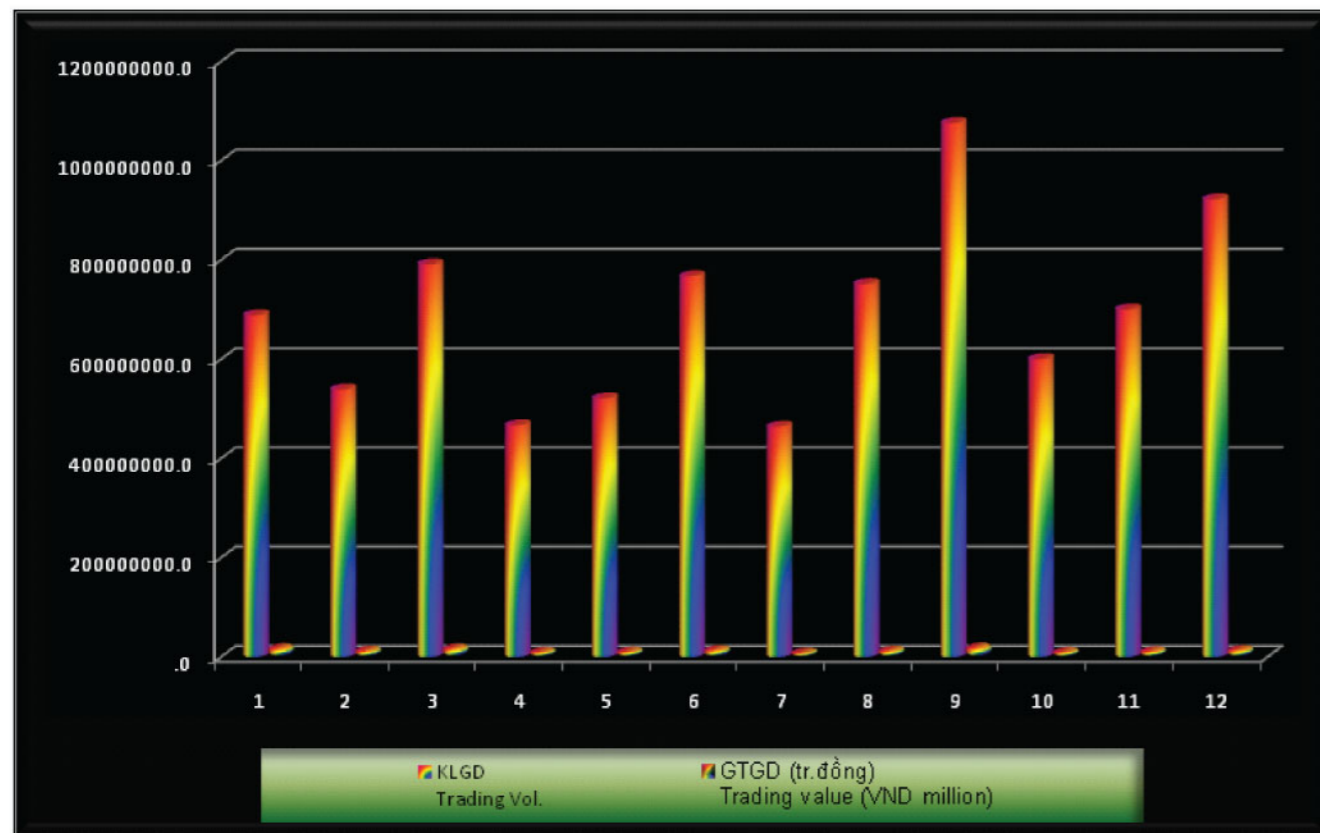
## 3. QUY MÔ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU THEO THÁNG NĂM 2011

### QUY MÔ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU THEO THÁNG NĂM 2011 MONTHLY TRADING ACTIVITIES IN 2011

Tháng <i>Month</i>	Khớp lệnh <i>Order-matching</i>				Thoả thuận <i>Put-through</i>			Tổng cộng <i>Total</i>	
	Số phiên <i>Number of sessions</i>	Khối Lượng Giao Dịch <i>Trading Vol.</i>	Bình Quân <i>Average</i>	Giá Trị Giao Dịch (tr. đồng) <i>Trading value (VND million)</i>	Bình Quân <i>Average</i>	Khối Lượng Giao Dịch <i>Trading vol.</i>	Giá Trị Giao Dịch (tr. đồng) <i>Trading value (VND million)</i>	Khối Lượng Giao Dịch <i>Trading vol.</i>	Giá Trị Giao Dịch (tr. đồng) <i>Trading value (VND million)</i>
1	19	595127390	31.322.494	14.818.365	779.913,96	92.884.220	3.005.946	688.011.610	17.824.311
2	15	499.597.750	33.306.517	11.624.194	774.946,30	38.910.211	1.246.117	538.507.961	12.870.312
3	23	673.651.460	29.289.194	14.629.405	636.061,07	117.009.082	2.979.090	790.660.542	17.608.495
4	19	363.274.620	19.119.717	7.488.052	394.107,99	102.886.923	2.587.306	466.161.543	10.075.357
5	20	434.630.330	21.731.517	8.320.362	416.018,09	85.794.971	2.329.812	520.425.301	10.650.174
6	22	637.480.540	28.976.388	10.761.909	489.177,69	129.216.736	3.313.173	766.697.276	14.075.082
7	21	322.880.480	15.375.261	5.487.915	261.329,29	140.604.181	2.884.276	463.484.661	8.372.191
8	23	530.200.390	23.052.191	8.275.312	359.796,18	220.874.705	4.588.261	751.075.095	12.863.573
9	21	918.137.590	43.720.838	14.425.684	686.937,32	157.396.137	4.810.334	1.075.533.727	19.236.018
10	21	509.480.220	24.260.963	7.724.304	367.824,00	90.209.790	2.101.093	599.690.010	9.825.397
11	22	491.858.260	22.357.194	6.911.454	314.157,01	207.959.098	4.702.546	699.817.358	11.614.000
12	22	564.180.490	25.644.568	7.717.110	350.777,74	357.396.835	6.423.137	921.577.325	14.140.248
<b>Tổng Total</b>	<b>248</b>	<b>6.540.499.520</b>	<b>318.156.840</b>	<b>118.184.067</b>	<b>5.831.047</b>	<b>1.741.142.889</b>	<b>40.971.093</b>	<b>8.281.642.409</b>	<b>159.155.159</b>

## BIỂU ĐỒ / CHART

Tổng KL và GT GD Cp / Share Trading Vol. & value Total

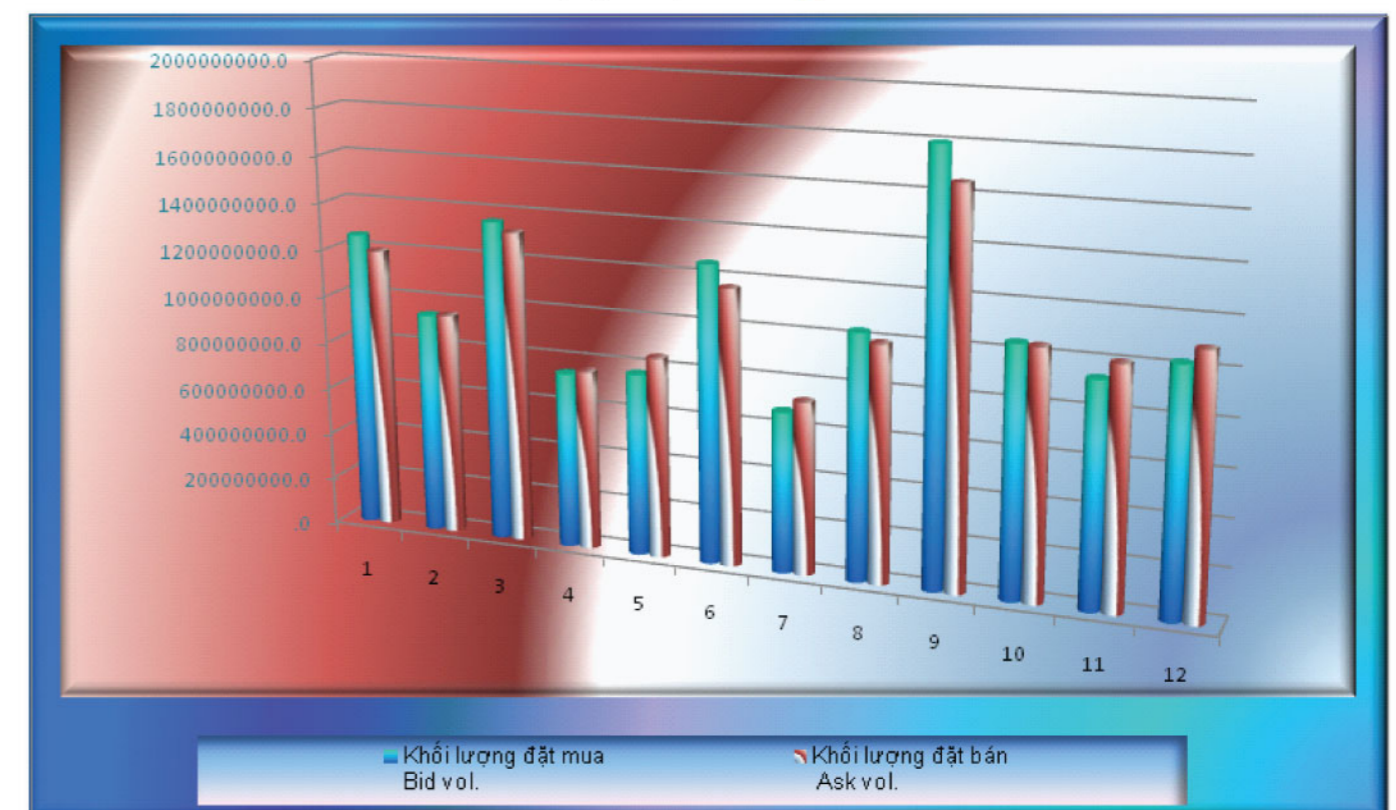


## CUNG CẦU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH THEO THÁNG TRONG NĂM 2011

MONTHLY SUPPLY AND DEMAND OF ORDER-MATCHING TRADING IN 2011

Tháng Month	Số phiên Number of sessions	Mua Buying				Bán Selling			
		Số lệnh đặt mua Number of bid orders	Bình Quân Average	Khối lượng đặt mua Bid vol.	Bình Quân Average	Số lệnh đặt bán Number of ask orders	Bình Quân Average	Khối lượng đặt bán Ask vol.	Bình Quân Average
1	19	437.830	23.044	1.258.951.710	66.260.616	460.481	24.236	1.195.090.730	62.899.512
2	15	363.054	24.204	939.021.750	62.601.450	328.293	21.886	944.479.990	62.965.333
3	23	514.865	22.385	1.359.235.730	59.097.206	491.855	21.385	1.321.046.120	57.436.788
4	19	303.362	15.966	745.429.360	39.233.124	314.529	16.554	761.493.280	40.078.594
5	20	305.136	15.257	773.079.220	38.653.961	315.276	15.764	849.047.700	42.452.385
6	22	441.468	20.067	1.258.447.940	57.202.179	408.526	18.569	1.166.154.230	53.007.010
7	21	279.510	13.310	678.348.540	32.302.311	276.807	13.181	727.800.530	34.657.168
8	23	351.961	15.303	1.035.796.830	45.034.645	377.057	16.394	995.996.680	43.304.203
9	21	543.456	25.879	1.800.023.490	85.715.404	498.715	23.748	1.653.833.350	78.753.969
10	21	367.971	17.522	1.049.067.530	49.955.597	340.423	16.211	1.042.738.920	49.654.234
11	22	338.418	15.383	937.529.060	42.614.957	321.747	14.625	1.007.284.690	45.785.668
12	22	326.012	14.819	1.028.356.370	46.743.471	337.477	15.340	1.091.391.880	49.608.722
<b>TC Total</b>	<b>248</b>	<b>4.573.043</b>	<b>223.138</b>	<b>12.863.287.530</b>	<b>625.414.922</b>	<b>4.471.186</b>	<b>217.893</b>	<b>12.756.358.100</b>	<b>620.603.586</b>

Biểu Đồ/ Chart  
Khối lượng mua, bán/Buy, Sell Vol.



Số tt	Mã Chứng Khoán	Giá Cao	Giá Thấp	Giá Đóng Cửa (30/12/2011)	Tổng Khối Lượng Giao Dịch	Tổng Giá Trị Giao Dịch (Đvt: tr. đồng)	PE	Khối lượng Niêm Yết Hiện Tại	Giá Trị Vốn Hóa (Đvt: tỷ đồng)
No.	Sec. Symbol	High price	Low price	Close price (30/12/2011)	Total share vol.	Total value (VNĐ million)	PE	Current listed shares	Mkt.cap (VNĐ bill.)
1	AAM	24,8	19,5	22,3	3.913.640	82.898	3,81	11.339.864	204
2	ABT	43,5	31,2	34,2	8.113.221	303.602	5,17	13.607.207	402
3	ACC	26,7	15,1	18	1.201.670	22.696	3,09	10.000.000	180
4	ACL	33,5	15,9	17,2	7.680.814	181.870	2,78	18.399.675	316
5	AGD	29,7	14,1	27,9	9.816.325	215.897	2,81	11.999.930	335
6	AGF	23,9	17,3	21,4	1.860.720	39.422	3,58	12.859.288	273
7	AGR	13,6	4,4	4,4	13.619.480	142.235	5,56	212.000.000	929
8	ALP	15,7	7,3	7,5	2.093.990	22.424	15,82	64.584.413	484
9	ANV	14,6	6	7,4	35.283.380	334.270	9,50	66.000.000	485
10	APC	14,8	10,6	14,5	14.216.880	185.161	4,54	11.448.000	166
11	ASM	68,5	20,4	22,3	38.230.030	1.072.406	6,33	39.736.202	886
12	ASP	8,9	3,4	3,5	5.748.540	33.611	43,29	22.829.996	80
13	ATA	27,9	6	6,3	1.545.070	31.142	3,02	11.999.998	76
14	AVF	21,4	9	9,4	9.473.600	135.400	2,14	22.500.000	212
15	BAS	6,3	1,1	1,1	3.309.950	11.821		9.600.000	11
16	BBC	21,5	10,1	11,1	18.424.023	261.902	3,34	15.420.782	171
17	BCE	12,9	6,6	7,2	4.185.273	37.836	4,37	30.000.000	216
18	BCI	31,4	13,9	14,9	17.073.035	363.165	6,41	72.267.000	1.077
19	BGM	24	4	4,1	40.363.000	345.806	13,09	16.800.000	69
20	BHS	34	17,1	17,4	11.301.353	354.147	3,74	29.997.580	522
21	BIC	9,2	5,9	6	4.315.390	31.057	5,41	66.000.000	396
22	BMC	33,4	19,1	25,7	8.614.040	225.806	3,23	8.261.820	212
23	BMI	16,1	8	8,9	4.648.990	51.912	3,13	75.500.000	672
24	BMP	50	28,3	35	4.719.536	179.755	4,23	34.983.552	1.251
25	BRC	12,8	7	7	12.760	115	4,73	8.249.998	58
26	BSI	10,9	5,8	6,3	7.734.740	58.446	47,67	86.500.000	545
27	BT6	72	5,6	6,2	5.781.514	111.628	2,14	32.993.550	205
28	BTP	9,6	2,9	2,9	6.223.680	37.090		60.485.600	172
29	BTT	26,3	17	17	6.480.960	139.148	4,49	8.800.000	150
30	BVH	103	41	41	30.908.020	2.232.498	28,88	680.471.434	27.899
31	C21	28	16,3	16,6	2.298.064	42.149	4,97	19.336.371	304
32	C47	15,2	8,1	9,5	1.836.070	21.167	2,60	8.000.000	76
33	CAD	8,3	1,5	1,7	10.457.055	46.471		8.799.927	15
34	CCI	21	9	9	1.224.210	16.177	3,47	9.000.000	79
35	CCL	27,5	8	10,3	2.092.990	24.206	13,40	25.000.000	258
36	CDC	26,3	5,5	5,7	7.396.470	121.297	8,04	14.958.733	85
37	CIG	10,8	4,2	4,5	887.010	5.449	3,66	12.000.000	60
38	CII	37,5	15,5	21,6	51.849.010	1.369.988	10,38	75.081.000	1.622
39	CLC	18,9	11,5	12,1	1.562.560	21.416	2,77	13.103.830	159

40	CLG	30,8	8,3	12,3	29.454.210	370.177		10.000.000	123
41	CLW	10	6,3	8,1	1.128.550	8.324	4,63	13.000.000	105
42	CMG	19,5	6	6	16.026.020	208.305	4,69	67.341.953	403
43	CMT	24,5	6,2	7,7	16.424.420	241.751		8.000.000	57
44	CMV	27	20	23	348.600	8.157	7,12	9.579.338	220
45	CMX	15,4	3,8	5	2.281.949	17.621	19,94	13.221.234	66
46	CNG	28,7	21,5	22,5	2.086.310	51.820	4,34	20.312.038	457
47	CNT	19,9	7,5	8,4	1.542.520	18.901	5,08	10.015.069	83
48	COM	38,5	25,7	26,8	620.790	20.371	5,47	14.120.628	369
49	CSG	10,2	6,6	6,9	13.493.170	113.630	5,30	29.742.020	185
50	CSM	31,9	8,4	8,9	19.061.000	317.040	6,64	42.249.837	376
51	CTD	69,5	20,3	30	10.144.262	455.394	4,67	31.770.000	953
52	CTG	31,7	16,1	17,7	118.333.810	3.063.265	7,87	332.001.655	35.807
53	CTI	50	13,9	22,2	82.226.400	2.363.772	22,14	15.000.000	333
54	CYC	6,5	2,1	3,1	478.220	2.062	4,59	1.990.530	28
55	D2D	40,5	14,5	15,9	1.343.930	28.682	3,71	10.700.000	169
56	DAG	18,4	4,7	5,1	6.516.830	75.731	18,19	12.500.000	64
57	DCL	35,1	13	15,6	4.382.200	74.923	3,14	9.913.692	155
58	DCT	9,6	3,9	4,1	12.945.130	92.645	2,94	27.223.647	112
59	DDM	7,5	2,4	2,4	3.300.860	18.454	1,57	12.244.495	29
60	DHA	21,8	8	8,5	6.538.990	82.578	3,24	15.119.946	128
61	DHC	12,6	5,8	6,8	8.389.430	80.846	6,84	14.999.908	102
62	DHG	128	53,5	56	8.404.758	637.151	8,18	65.176.429	3.649
63	DIC	20,7	6,2	6,6	34.118.533	401.034	2,87	15.000.000	99
64	DIG	40,9	10	10,4	44.863.070	906.673	5,09	129.997.818	1.352
65	DLG	32,6	17,5	19	25.248.778	680.516	13,62	35.210.708	669
66	DMC	31,3	18,1	20,9	6.750.270	167.419	4,04	17.809.336	366
67	DPM	44,7	22,6	23,8	106.887.660	3.638.054	3,29	380.000.000	8.988
68	DPR	69,5	40,2	46,3	5.535.910	304.953	3,31	43.000.000	1.991
69	DQC	28,5	10,6	11,1	42.987.360	845.983	4,83	24.424.679	244
70	DRC	40,4	15,8	17,1	20.144.740	472.570	3,99	46.153.865	789
71	DRH	12,1	3	3	30.683.535	212.598	57,06	18.399.702	48
72	DSN	26	19,3	22,8	1.393.900	30.973	3,79	8.450.000	193
73	DTA	13,9	3,8	3,8	7.392.920	67.116	3,05	10.000.000	57
74	DTL	23,2	14,3	15,4	20.828.630	409.335	3,49	50.136.090	722
75	DTT	9,6	5,7	6,2	2.554.270	19.050		8.151.820	51
76	DVP	39,8	35	37,1	2.590.608	97.040	4,61	20.000.000	742
77	DXG	27,5	6,8	7	22.057.756	423.514	2,60	16.000.000	182
78	DXV	14,7	3,5	3,5	9.006.150	73.997	1,37	9.900.000	35
79	EIB	16,3	12,8	14,3	209.905.578	3.115.042	6,78	1.235.522.904	17.668
80	ELC	48,1	22,2	31,5	12.733.450	427.848	5,16	29.300.000	923
81	EVE	45,8	16,3	17,7	7.179.560	233.253	2,33	23.401.986	414
82	FBT	10,2	4,6	4,6	1.633.180	14.184	13,36	15.000.000	52
83	FDC	31,6	23,6	24,5	17.072.909	480.922	9,38	20.227.308	496
84	FDG	28	13,2	13,2	1.500.720	32.487	3,01	13.200.000	174
85	FMC	13,5	8,9	9,9	4.412.460	52.535	2,50	8.000.000	72

86	FPT	65	43,4	49,7	95.061.239	5.010.508	6,28	215.978.933	10.738
87	GDT	20,2	12,4	17,2	380.940	5.856	4,47	10.372.365	178
88	GIL	31,8	20,4	31	12.568.250	301.759	6,09	12.774.588	357
89	GMC	19,4	12,9	14,7	2.992.880	48.635	2,79	8.868.571	130
90	GMD	33	16,1	17,9	62.069.816	1.651.585	17,58	99.559.781	1.790
91	GTA	9,4	5,6	6,5	2.778.150	22.478	5,41	10.400.000	64
92	GTT	10	5	5,2	114.880.323	780.836	12,07	43.503.000	226
93	HAG	80	17,3	19,5	156.046.499	5.428.444	6,12	467.280.590	9.112
94	HAI	37,4	14,7	24	1.371.458	32.585	8,36	17.399.991	418
95	HAP	14,1	3,2	3,3	22.068.640	150.914	40,67	24.436.229	80
96	HAS	9,9	4,3	4,4	2.691.540	17.773	3,99	8.000.000	34
97	HAX	13,8	4,6	4,8	1.726.165	16.366		11.116.169	53
98	HBC	47,5	18,7	22,9	12.478.680	358.074	3,35	20.788.166	442
99	HCM	30,6	13,3	14	27.687.250	829.784	5,86	99.848.637	1.395
100	HDC	43,5	15,3	17,4	3.599.784	87.637	3,87	23.899.902	407
101	HDG	84,5	10,2	10,4	13.438.527	259.170	4,47	40.499.948	421
102	HLA	12,6	3,8	4,2	39.482.790	319.359		34.459.293	145
103	HLG	15,4	7,6	10,5	30.401.650	349.020	9,61	44.375.385	464
104	HMC	15,5	8,4	8,8	3.188.330	38.436	2,05	21.000.000	185
105	HOT	21,2	12,8	19,2	36.390	656	5,26	8.000.000	154
106	HPG	39,2	16,3	17,5	75.358.130	2.225.391	3,66	317.849.760	5.488
107	HQC	48,6	4,5	4,7	144.173.520	2.221.851	0,51	40.000.000	188
108	HRC	65	45,5	45,7	10.745.450	638.941	6,44	17.260.976	789
109	HSG	19,8	8	8,3	58.570.940	717.220	5,15	100.790.790	820
110	HSI	11,6	7,6	9	4.940.540	47.045	3,28	10.000.000	89
111	HT1	10,7	2,9	2,9	16.367.890	88.324	7,67	198.000.000	574
112	HTI	15,4	6,2	7,1	1.584.060	16.414	3,74	24.949.200	177
113	HTL	24	6,9	8,4	22.400	307	10,14	8.000.000	67
114	HTV	15,2	5,7	6,3	4.546.580	44.709	2,85	10.080.000	62
115	HU1	10,9	7,3	7,6	89.370	721	5,12	10.000.000	76
116	HU3	26,5	8,9	10,8	2.160.120	36.678	3,48	9.999.944	108
117	HVG	24,4	15,5	20,1	26.708.910	512.576	3,36	65.998.073	1.301
118	HVX	6,9	2,4	2,6	881.790	4.826	6,74	15.500.000	48
119	ICF	9,3	3,8	4,8	6.354.840	45.826	4,50	12.807.000	61
120	IDI	14,4	6	6,1	12.996.060	135.349	2,53	38.000.000	232
121	IFS	16,5	4,3	4,7	4.722.589	41.138	18,91	6.875.359	137
122	IJC	20,2	6	8,4	165.320.150	1.768.323	5,12	274.194.525	2.303
123	IMP	59	34,3	38,7	1.814.964	77.988	6,85	15.214.500	589
124	ITA	17,1	6,2	6,5	225.147.553	2.549.047	4,62	342.562.565	2.223
125	ITC	25,1	6,8	7,3	140.492.510	2.387.788	15,15	69.086.688	501
126	ITD	10	8,1	8,1	7.910	75	2,39	11.610.399	94
127	JVC	24,8	11,4	16,4	22.061.040	345.173	5,18	24.200.000	397
128	KAC	28,4	13,1	14	7.115.760	142.789		20.000.000	280
129	KBC	38,4	10,1	10,1	51.404.500	1.004.865	8,03	295.711.167	2.927
130	KDC	55	23,7	26	79.415.021	2.763.156	8,23	119.517.881	3.069
131	KDH	45,8	19,2	19,3	34.632.847	1.297.983	10,67	43.900.000	847
132	KHA	17,4	7,4	8,3	15.612.800	172.770	2,81	14.120.309	109

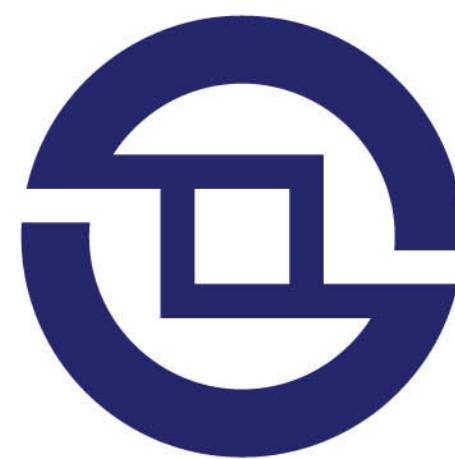
133	KHP	10,8	6,6	6,8	10.325.282	87.723	2,61	41.551.296	276
134	KMR	8,3	3	3	40.102.115	217.389	2,03	25.330.084	97
135	KSA	45	3,8	4	37.048.270	795.225	2,64	15.442.559	62
136	KSB	65	34,2	37,1	416.650	26.200	3,22	10.700.000	397
137	KSH	41,6	6,4	6,7	7.433.000	190.395	4,87	11.690.000	78
138	KSS	29,9	6,6	6,6	92.308.210	1.666.564	5,76	24.190.000	160
139	KTB	30,8	17,1	17,9	78.747.360	1.934.774	27,06	26.800.000	480
140	L10	24,2	5,3	5,7	4.423.350	70.870	2,36	9.000.000	51
141	LAF	24,6	12,6	14,4	32.679.500	600.233	2,23	14.728.019	212
142	LBM	11,7	6,2	7,1	7.004.110	57.696	3,88	8.500.000	58
143	LCG	34,8	7,8	8,4	156.239.640	2.687.966	2,55	56.249.956	472
144	LCM	39,3	22,9	36,1	13.510.710	437.621		8.568.000	309
145	LGC	30,9	16,5	25,4	3.060.000	77.762	8,69	8.283.561	210
146	LGL	20,4	6,5	6,7	6.498.932	78.454	7,08	19.999.275	134
147	LHG	45,4	14,7	14,7	181.190	6.647	2,30	20.000.000	382
148	LIX	65	28,7	30	832.040	34.389	3,79	9.000.000	270
149	LM8	14,4	8,2	9	426.480	4.552	3,58	8.050.000	72
150	LSS	36	18	20,3	15.178.915	432.738	2,43	50.000.000	1.015
151	MBB	13,8	10,5	10,8	53.955.734	659.512	4,60	730.000.000	7.884
152	MCG	16	6,7	6,9	105.354.820	1.321.797	17,52	57.510.000	359
153	MCP	14,1	9,4	13,6	1.714.130	18.949	3,73	9.849.520	134
154	MCV	15,1	2,8	2,9	22.706.210	188.834	38,70	12.092.161	35
155	MDG	20	5,2	5,4	9.153.930	103.499	5,40	10.889.031	59
156	MHC	8,7	2	2,3	10.431.670	61.657	1,45	13.555.514	31
157	MKP	64,5	38,4	49	2.937.471	152.913	6,44	10.115.932	489
158	MPC	29,9	14,6	14,6	10.507.202	236.029	3,87	70.000.000	1.022
159	MSN	158	73,5	90,5	30.494.248	3.558.823	13,88	515.272.269	46.632
160	MTG	9,2	2,9	2,9	13.902.650	78.657	7,76	11.999.995	35
161	NAV	12	6,1	7,3	486.470	4.049	4,25	8.000.000	58
162	NBB	88	41,5	48,9	9.664.040	601.801	13,67	15.400.000	873
163	NHS	37,7	26,6	32,6	2.382.570	80.390	3,39	8.100.000	264
164	NHW	20,8	10	13,1	415.250	5.843	6,30	22.950.627	300
165	NKG	35,8	13,2	13,7	34.144.690	828.189	8,14	29.900.000	410
166	NNC	40,9	20,3	30,3	3.086.156	89.885	2,91	8.768.175	252
167	NSC	42,5	29,5	42,1	1.607.770	54.199	5,53	8.256.161	348
168	NTB	18	3,4	3,4	104.872.570	1.063.902		36.000.000	122
169	NTL	69,5	11,7	12,7	27.605.100	753.112	2,52	63.600.000	781
170	NVN	30,5	8,3	9,4	2.137.110	50.519	5,56	10.656.800	100
171	NVT	14	1,8	1,9	68.998.900	470.989		60.500.000	115
172	OGC	25	7,3	8	185.616.271	2.422.407	6,43	300.000.000	2.400
173	OPC	40,7	22,4	26,8	4.458.690	124.737	6,62	12.284.860	329
174	PAC	55,5	14,7	15,2	2.261.372	82.101	4,26	26.987.843	405
175	PAN	20,1	10,2	13,1	8.585.640	135.717	8,75	11.550.000	151
176	PDN	30,7	19,7	29,4	102.640	2.909	75,02	8.231.998	242
177	PDR	34	15,2	18,8	10.934.657	268.091	14,98	130.200.000	2.448
178	PET	17,3	10	12	56.405.010	744.695	2,68	69.842.000	829
179	PGC	17,5	4,8	4,9	13.469.565	134.114	4,62	34.446.699	169
180	PGD	41,4	29,5	30	20.113.050	744.733	3,87	42.900.000	1.287

181	PGI	10,3	6,4	6,5	3.817.170	32.294	7,30	70.974.218	452
182	PHR	38,5	22,8	26,2	11.586.010	374.225	3,17	81.300.000	2.069
183	PHT	14,9	6,6	7,4	11.011.729	102.204	3,24	19.999.993	133
184	PIT	13,2	7,4	7,6	5.051.140	54.406	4,79	12.376.503	87
185	PJT	9	5,3	5,4	1.971.740	13.653	3,53	8.400.000	45
186	PNC	9,1	3,5	3,6	5.728.560	35.170	72,29	10.058.906	35
187	PNJ	41	20,5	40,2	42.781.354	1.403.326	9,81	59.999.142	2.412
188	POM	28,3	9,2	9,2	2.671.559	52.235	3,74	187.449.951	1.714
189	PPC	12,5	5,5	7	82.248.300	661.778		326.235.000	2.227
190	PPI	22,5	4,4	4,9	20.118.815	305.359	2,36	12.216.733	60
191	PTB	16	10,5	12	1.503.407	21.423	3,56	8.599.760	139
192	PTC	19,1	3,7	3,8	28.142.200	365.207	4,66	10.000.000	36
193	PTL	12,7	3,8	4	40.769.240	352.813	3,12	100.000.000	395
194	PVD	59	31	33,2	41.281.850	1.885.639	6,66	210.508.215	6.958
195	PVF	32	7	7,2	89.005.850	1.438.285	7,63	600.000.000	4.320
196	PVT	10,8	3	3,1	76.752.480	404.802	27,58	232.600.000	721
197	PXI	15,5	3,9	4,3	17.858.160	156.888	2,96	30.000.000	129
198	PXL	10,7	3,6	3,6	82.232.640	467.647	11,57	82.722.212	297
199	PXM	13,3	4,3	4,5	17.264.630	132.392	2,35	15.000.000	68
200	PXS	18,2	6,7	7,1	27.120.460	322.204	1,58	37.518.001	266
201	PXT	10,1	4	4,2	10.088.630	68.247	2,77	20.000.000	84
202	QCG	26,9	13,4	13,4	95.950.450	1.919.740	18,40	121.518.139	1.628
203	RAL	24,3	15	21,2	16.311.350	298.584	5,38	11.500.000	244
204	RDP	15,2	8,2	8,6	1.629.409	15.260	3,65	11.500.000	99
205	REE	17,8	9,6	11,3	221.870.584	2.806.748	4,98	236.643.385	2.708
206	RIC	19	5,1	5,3	451.620	5.873	6,78	18.799.555	362
207	SAM	19	4,3	4,3	154.989.990	1.300.609		130.798.432	562
208	SAV	34,9	14,8	20,1	345.890	9.326	35,86	9.963.450	193
209	SBA	8,2	3,8	3,8	5.720.589	33.572	4,41	50.000.000	189
210	SBC	35,8	12,9	13,6	1.708.400	33.501	6,33	8.000.000	109
211	SBS	33,3	3,1	3,1	50.061.333	483.366		126.660.000	401
212	SBT	14,9	9,5	12,1	103.447.300	1.282.771	2,15	141.905.800	1.588
213	SC5	38,5	8,1	8,1	7.446.870	172.734	4,79	13.622.364	110
214	SCD	29,9	10,6	12	102.580	1.990	4,42	8.500.000	102
215	SEC	29,1	17,1	17,5	6.910.519	194.036	3,02	17.406.580	305
216	SFC	30,5	18,1	26,6	1.045.193	25.942	11,27	10.270.378	273
217	SFI	20,4	10,5	12	6.514.400	89.961	3,51	8.289.981	99
218	SGT	12,7	6,5	7,7	3.996.205	34.810		74.001.914	570
219	SHI	18,1	4,4	4,6	4.805.440	66.110	2,42	26.710.723	120
220	SJD	13	8,5	9,7	1.983.980	20.526	3,77	35.879.150	348
221	SJS	68	16	22,8	59.405.260	2.026.352	14,94	100.000.000	2.258
222	SMA	12,1	3,9	3,9	3.331.010	27.055	1,78	8.060.000	31
223	SMC	22,5	7,6	7,6	10.333.918	162.486	2,50	24.600.105	224
224	SPM	60	40,7	47,5	4.165.790	195.414	5,83	14.000.000	654
225	SRC	34,7	6	6,1	24.007.490	500.795		16.200.000	99
226	SRF	28,5	19,1	19,5	793.180	18.480	3,11	8.020.066	143
227	SSC	29,4	17	28	5.971.771	127.079	6,89	14.992.367	414
228	SSI	32,2	13,2	13,7	414.979.300	8.680.285	47,20	351.111.742	4.769

229	ST8	24	11	11,3	895.007	11.179	3,74	11.957.902	134
230	STB	15,9	11,7	15,1	720.102.417	10.355.007	7,02	1.073.967.664	16.217
231	STG	31	15,3	16	2.331.237	52.758	5,22	8.351.857	134
232	STT	16	3,3	3,4	4.199.250	23.173	2,73	8.000.000	27
233	SVC	26,6	14,9	17,5	5.448.806	110.116	6,86	24.995.573	437
234	SVT	17	6,5	7,8	54.040	496	6,69	8.700.000	68
235	SZL	20,8	11,1	11,7	8.600.650	118.725	4,38	20.000.000	213
236	TAC	30,6	20	21,4	5.547.250	141.552	6,68	18.980.200	406
237	TBC	14,3	9,2	10	3.348.870	40.327	17,03	63.500.000	635
238	TCL	32	15,2	16,6	4.185.228	96.663	3,50	20.943.893	348
239	TCM	25,5	8	8,4	48.524.350	885.705	1,86	44.737.486	375
240	TCR	9	4,7	5,2	2.535.717	16.532	2,09	9.315.212	212
241	TDC	29,8	6,4	8,2	70.898.800	760.836	3,43	100.000.000	820
242	TDH	35	10,9	11,4	39.440.164	805.493	4,60	37.875.000	430
243	TDW	9,5	6,9	7,6	208.340	1.674	2,50	8.500.000	65
244	THG	20	8,2	8,9	2.294.860	23.456	1,78	8.000.000	71
245	TIC	10,4	7,1	9,3	2.707.130	23.474	11,13	24.656.988	214
246	TIE	20,3	6,8	7	5.731.380	68.282	2,55	9.569.900	67
247	TIX	46	13,8	17,3	3.445.900	63.901	4,19	24.000.000	415
248	TLG	30,9	12,4	14,6	710.370	11.816	3,01	17.650.000	258
249	TLH	12,7	4,5	4,7	49.683.070	417.531	4,31	57.706.814	248
250	TMP	11	6,8	7,9	11.846.900	125.410		70.000.000	553
251	TMS	28,4	15	27	1.022.960	23.053	10,05	18.275.870	493
252	TMT	16	5,4	6,9	5.205.484	32.043	13,61	28.450.236	193
253	TNA	29,6	16,9	20	1.429.930	32.388	2,08	8.000.000	160
254	TNC	17,7	11,6	12	24.472.740	359.454	2,62	19.250.000	231
255	TNT	23,5	4,8	5,1	21.352.740	244.484		8.500.000	43
256	TPC	11,2	6,5	6,8	8.833.840	81.058	3,54	24.430.596	145
257	TRA	54,5	32,6	36,1	3.139.236	143.404	4,54	12.339.824	445
258	TRC	71,5	31,6	33,9	1.863.020	88.975	2,08	30.000.000	1.003
259	TRI	6,1	1,8	1,9	653.410	2.360		27.548.360	52
260	TS4	22,2	8	8,3	25.591.161	375.269	3,34	11.500.000	95
261	TSC	18,4	9,8	13	5.686.850	77.417	1,05	8.312.915	104
262	TTF	16,8	5,2	5,8	9.185.118	86.204	6,42	31.249.839	190
263	TTP	33,4	20,9	28	9.428.402	260.338	6,03	14.999.998	420
264	TV1	10,5	4,5	5,3	2.907.485	21.120	3,14	20.009.765	106
265	TYA	6,2	2,7	2,7	2.769.515	12.064	1,49	5.578.493	75
266	UDC	16,4	3,6	3,8	27.123.990	224.373	5,44	35.000.000	132
267	UIC	19,2	7,6	7,9	3.464.760	41.220	3,40	8.000.000	63
268	VCB	38	19,4	21,8	102.832.825	2.953.611	8,90	182.781.398	42.942
269	VCF	106	42,8	91	9.526.767	602.757	11,78	26.579.135	2.419
270	VES	14,8	1,3	1,4	7.576.590	47.622		9.007.500	13
271	VFC	22,1	6,6	6,9	47.324.890	764.967	6,46	34.000.000	234
272	VFG	66	30,7	40	2.181.160	89.279	4,07	12.682.753	507
273	VHC	35,7	22,5	28,4	5.116.584	148.573	3,98	47.151.273	1.305
274	VHG	16	3,9	3,9	39.118.440	343.999		25.000.000	98
275	VIC	137	80	99,5	67.854.764	7.051.337	13,74	391.149.893	38.919
276	VID	10,7	3,8	4	19.453.270	149.411	50,69	25.522.767	102



277	VIP	11,8	3,9	4,2	32.757.080	242.947	2,65	59.807.785	249
278	VIS	32,2	10,9	11,5	63.608.700	1.254.640	2,40	30.000.000	345
279	VKP	5,4	0,6	0,9	6.482.740	18.396		8.000.000	7
280	VLF	26,1	10,4	13,2	1.230.250	20.778	9,17	10.400.000	137
281	VMD	29	20,2	21	52.806.792	1.253.016	4,75	8.141.196	171
282	VNA	15,1	3,4	3,7	5.217.700	38.764	3,48	20.000.000	74
283	VNE	11	2,7	3	96.449.020	638.401		63.721.061	186
284	VNG	18,6	9,2	9,2	5.459.080	87.126	19,31	13.000.000	120
285	VNH	9	2,8	3,3	678.150	3.893		8.023.071	26
286	VNI	13,4	3,7	3,9	562.970	5.261	18,93	10.559.996	40
287	VNL	16	9,5	11,2	1.230.610	16.094	4,11	9.000.000	101
288	VNM	144	85	86,5	45.530.632	4.981.157	11,87	556.114.754	48.081
289	VNS	30,5	13,9	21,2	5.575.420	133.629	5,21	29.999.997	636
290	VOS	10,9	3,6	4,1	34.525.920	219.089		140.000.000	574
291	VPH	25,7	4	4,2	16.899.110	268.870		27.714.816	116
292	VPK	9,1	6	6,5	1.297.860	9.001	2,42	8.000.000	52
293	VRC	32	7,9	8,7	12.482.299	209.420	4,05	14.504.762	159
294	VSC	67,5	25,3	26,3	1.701.194	76.972	3,09	23.894.502	624
295	VSG	7,3	1,5	1,7	2.614.590	10.289		11.044.000	19
296	VSH	12,7	8	8,3	82.362.750	815.589	4,65	206.241.246	1.679
297	VSI	18,4	4,4	4,4	371.430	4.262	5,57	13.200.000	58
298	VST	11,6	3,9	4	24.042.430	172.537	6,62	58.999.337	236
299	VTB	14,2	6,1	6,5	518.780	4.768	3,97	11.982.050	71
300	VTF	20,9	12,4	18,6	2.374.090	36.892	2,76	18.025.509	335
301	VTO	9	4	4,3	29.049.380	175.671	3,48	79.866.666	339
302	MAFPF1	4,6	2,7	3	1.180.970	4.457		21.409.530	
303	PRUBF1	6,4	4,2	5	6.323.940	35.301		50.000.000	
304	VFMVF1	11,5	6,6	6,9	27.792.660	275.507		100.000.000	
305	VFMVF4	6	3,1	3,2	23.103.620	96.708		80.646.000	
306		9,3	3,8	5,1	2.924.330	13.059		24.043.760	
<b>Tổng cộng/Total</b>					<b>8.314.866.163</b>	<b>158.536.556</b>		<b>19.159.139.311</b>	<b>453.783,72</b>



**HOSE**

*Niềm tin của nhà đầu tư*

**ANNUAL REPORT**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2011**